



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM

OPC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015





OPC

Thiên Nhiên & Cuộc Sống

Sứ Mệnh

1. Cung cấp sản phẩm chất lượng cao, mang tính đột phá, đáp ứng nhu cầu chăm sóc & bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
2. Tạo ra những việc làm có ý nghĩa; giáo dục người lao động sự tôn trọng, yêu thương & trách nhiệm đối với cuộc sống, con người & xã hội.
3. Mang lại giá trị gia tăng & lợi ích thiết thực cho khách hàng, cổ đông & người lao động.
4. Góp phần nâng cao vị thế ngành y dược cổ truyền & công nghiệp dược Việt Nam.

Tầm Nhìn

Trở thành tập đoàn dược phẩm vững mạnh tại Việt Nam, đồng hành với sự phát triển của cộng đồng.



Lĩnh Vực Hoạt Động

Trồng và chế biến dược liệu, sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư, máy móc, trang thiết bị y tế, hóa chất, mỹ phẩm. Sản xuất, mua bán nước uống có cồn, nước uống có gaz...

OPC - Thiên Nhiên & Cuộc Sống

Trước những tác dụng phụ không mong muốn ngày càng phổ biến và đa dạng của tân dược, con người có xu hướng quay về với sản phẩm có nguồn gốc dược liệu thiên nhiên. OPC với dòng sản phẩm chủ lực dược bào chế từ thảo dược, trên nền tảng bài thuốc cổ truyền phương Đông được sử dụng và lưu truyền qua nhiều thế kỷ. Kết hợp với công nghệ tiên tiến hiện đại nhằm tối ưu hóa chất lượng sản phẩm, giá cả hợp lý, thuận tiện trong sử dụng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người tiêu dùng, sản phẩm OPC luôn mang hương vị, hơi thở thiên nhiên vào tâm hồn, cuộc sống hằng ngày của mọi người và bảo vệ thiên nhiên, hòa quyện với thiên nhiên.



MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT | 6 |
| THÔNG TIN CHUNG | 8 |
| QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN | 9 |
| NGÀNH NGHỀ KINH DOANH | 15 |
| QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ | 20 |
| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH | 21 |
| SƠ ĐỒ TỔ CHỨC | 22 |
| BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT | 24 |
| BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BKS | 27 |
| KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH | 28 |
| CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG | 29 |
| CÔNG TÁC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ | 30 |
| CÔNG TÁC GÓP VỐN ĐẦU TƯ | 32 |
| CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN | 34 |
| CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC | 36 |
| CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG | 37 |
| CÔNG TÁC XÃ HỘI | 38 |
| CÁC RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH | 39 |
| PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2016 | 41 |
| KẾT LUẬN | 42 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN | 43 |





THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý vị!

Giai đoạn 2011-2015 vừa qua, chúng ta đã chứng kiến nhiều thăng trầm của nền kinh tế thế giới. Các cuộc khủng hoảng địa chính trị kéo dài và dự báo còn tiếp tục diễn biến phức tạp ở một số quốc gia và khu vực. Việc lấy lại đà tăng trưởng vào năm 2010 khi GDP toàn cầu đạt 5,1% sau thời gian dài khủng hoảng nhưng sau đó lại nhanh chóng giảm xuống liên tục trong các năm kế tiếp và hạ xuống mức 2,4 % vào năm 2015 cho thấy nền kinh tế toàn cầu đang khôi phục chậm và chưa bền vững.

2011 – 2015 cũng là giai đoạn nền kinh tế Việt Nam rơi vào cơn bão giá, lạm phát. Lãi suất ngân hàng tăng cao, ngoại tệ khan hiếm, tỷ giá biến động, giá nguyên nhiên liệu điều chỉnh liên tục làm tăng chi phí đầu vào. Những năm gần đây, nhờ vào các giải pháp vĩ mô, lạm phát được kiểm soát tốt, mặt bằng lãi suất cho vay giảm, nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực, GDP Việt Nam tăng trưởng ổn định. Trong khi đó, thị trường chứng khoán Việt Nam lại cho thấy sự dao động liên tục với biên độ lớn của các chỉ số VN Index, HNX Index. Chỉ số VN Index có lúc lao dốc từ vùng 500 điểm xuống 350 điểm. Trải qua nhiều đợt tăng giảm, VN Index vượt mốc 600 điểm năm 2013, lập đỉnh 641 điểm ngày 15/7/2015. Dự báo trong năm 2016, VN Index có thể chạm mốc 680 điểm với thanh khoản bình quân có thể tăng 7% so với 2015, đây là tín hiệu lạc quan cho thị trường chứng khoán trong thời gian tới.

Trước bối cảnh nêu trên, toàn thể Cán bộ công nhân viên (CBCNV) Công ty OPC đã luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, phát huy tính sáng tạo, nỗ lực phấn đấu để vượt qua mọi khó khăn, thực hiện hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao phó. Trong giai đoạn 2011-2015, OPC đã hoàn thành các nhiệm vụ mang tính chiến lược, hiệu quả cao: Xây dựng và đưa vào hoạt động nhà máy OPC Bình Dương đạt GMP-WHO mang tầm cỡ khu vực; đầu tư cơ sở vật chất và mở rộng mạng lưới phân phối thuốc trên toàn quốc; đầu tư khoa học công nghệ và hợp lý hóa các dây chuyền sản xuất; đầu tư phát triển sản phẩm mới, sản phẩm chủ lực... Qua đó, tốc độ tăng trưởng bình quân về doanh thu đạt 13,5%, lợi nhuận trước thuế 7,2%, thu nhập bình quân 12,6%.

Đối với kế hoạch năm 2015:

- » Tổng doanh thu 663,9 tỉ đồng, đạt 108% so với kế hoạch và vượt 8,3% so với cùng kỳ.
- » Lợi nhuận trước thuế 92,1 tỉ đồng, đạt 104,7% so kế hoạch, vượt 6,8% so với cùng kỳ.
- » Thu nhập bình quân 12,9 triệu đồng/tháng/người, đạt 107,5% so với kế hoạch, vượt 8,4% so với cùng kỳ.
- » Cổ tức dự kiến trình ĐHĐCĐ thông qua là 20%/ Vốn điều lệ.
- » Hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu 4:1 tăng vốn điều lệ lên 253.116.960.000 đồng.

Kính thưa Quý vị, thị trường ngành Dược sẽ còn nhiều khó khăn và thách thức, đặc biệt trong bối cảnh lộ trình hội nhập quốc tế đang đến gần, mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng dự báo về sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, đòi hỏi các doanh nghiệp trong nước nói chung và OPC nói riêng cần phải nỗ lực hơn nữa để khẳng định vị thế thương hiệu trên thị trường. Trong nhiệm kỳ IV (2016 – 2021), căn cứ vào tình hình thực tế, tốc độ tăng trưởng bình quân của OPC dự kiến khoảng 5-7%.

Năm 2016, với khẩu hiệu hành động “Nỗ lực cống hiến, vững bước tiến lên”, OPC quyết tâm hoàn thành các mục tiêu dự kiến trình ĐHĐCĐ thông qua như sau:

- » Doanh thu : 680 tỉ đồng
- » Lợi nhuận trước thuế : 95 tỉ đồng
- » Cổ tức : 20%
- » Thu nhập bình quân : 13 triệu đồng/tháng/người.

Qua gần 40 năm xây dựng và phát triển, trải qua nhiều thăng trầm nhưng với chiến lược và tầm nhìn đúng đắn, giữ vững giá trị cốt lõi “OPC- Thiên nhiên và cuộc sống”, OPC đã ngày càng khẳng định thương hiệu trên thị trường với chất lượng sản phẩm và dịch vụ ngày càng được nâng cao. Tự hào là Thương hiệu Quốc gia (Doanh nghiệp Dược duy nhất được giải thưởng 4 lần liên tiếp kể từ năm 2008), Hàng Việt Nam Chất lượng cao 19 năm liền (1998 – 2016), Ngôi sao Thuốc Việt, TOP 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 3 năm liền (2013 – 2015),...; OPC luôn nỗ lực không ngừng để ngày càng phát triển, vươn lên tầm cao mới.

Đạt được thành quả của nhiệm kỳ III (2011 – 2016), thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC, Tôi trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý cổ đông, Quý khách hàng, Nhà đầu tư, đối tác, các cơ quan ban ngành cùng toàn thể CBCNV Công ty đã luôn ủng hộ, đồng hành cùng OPC trên con đường phát triển và thực hiện sứ mệnh của mình. Với những kết quả đạt được, chúng tôi tin tưởng rằng Quý vị sẽ tiếp tục gắn bó và đồng hành cùng sự phát triển bền vững của OPC.

Kính chúc Quý vị cùng gia quyến năm mới nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2016

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



ĐS. Trịnh Xuân Vương



Tên giao dịch:

- » Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**
- » Tên tiếng Anh: **OPC PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0302560110** cấp ngày 25/3/2002, sửa đổi lần thứ 12 ngày 27/6/2012.

Vốn điều lệ: **253.116.960.000** đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **253.116.960.000** đồng

Địa chỉ: **1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh**

Số điện thoại: **(84-8) 37517111 – (84-8) 38754525**

Số fax: **(84-8) 38752048**

Website: <http://www.opcpharma.com>

Email: info@opcpharma.com

Mã cổ phiếu: **OPC**

OPC - Thiên Nhiên & Cuộc Sống



1977

Thành lập ngày 24/10/1977 theo quyết định số 1176/ BYT-QĐ của Bộ Y tế, Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 26

2002

Ngày 08/02/2002, theo quyết định số 138/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ, Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 26 - OPC được chuyển thành Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.

NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG



1980

Huân chương Lao động hạng III.

1983

Huân chương Lao động hạng II.

1994

Đơn vị xuất khẩu mạnh nhất trong Tổng Công ty Dược Việt Nam với kim ngạch đạt 1,4 triệu USD. Cao sao vàng và các sản phẩm OPC đã có mặt tại 15 nước trên thế giới.

1997

Huân chương Lao động hạng I.

Đơn vị đầu tiên áp dụng công nghệ chiết xuất dược liệu đa năng tiên tiến hiện đại.

1998

Lần đầu tiên giới thiệu dược phẩm viên trị sỏi thận Kim Tiền Thảo “Ông Già” tại thị trường Việt Nam. “Có Kim Tiền Thảo OPC trị sỏi thận là tôi yên tâm” đã trở thành một trong 10 sự kiện nổi bật nhất của Tổng Công ty dược Việt Nam.

2000

Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.

NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG



2001

Ký kết hợp tác liên doanh giữa OPC và Công ty TNHH Phát triển khoa học kỹ thuật Y dược Kiên Kiều - Trung Quốc sản xuất thuốc trị sốt rét CV8®, CV Artecan® phục vụ chương trình phòng chống sốt rét quốc gia.

2002

Đại hội đại biểu cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ngày 19/03/2002, Bầu Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát nhiệm kỳ I (2002-2006).

2005

Đón nhận Huân chương độc lập hạng III . Là một trong những đơn vị sản xuất thuốc đông dược đầu tiên được cấp giấy chứng nhận đạt GMP - GLP - GSP.

2006

Đại hội Đồng cổ đông nhiệm kỳ II (2006 - 2011).

2007

Là Doanh nghiệp sản xuất đông dược đầu tiên phát hành cổ phiếu ra công chúng (01/02/2007). Thành lập Công ty con- Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm OPC Bình Dương vốn điều lệ 15 tỉ đồng. Thương hiệu dẫn đầu HVNCLC - Top 100 Sao Vàng Đất Việt.

NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG



2008

Chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu với mã chứng khoán OPC tại Sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM (30/10/2008).

Nhà máy dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - WHO, GLP, GSP.

Đạt thương hiệu Quốc gia duy nhất ngành dược phẩm Việt Nam.

2009

Khởi công xây dựng nhà máy dược phẩm đạt GMP WHO tại Ấp Tân Hóa, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương vào ngày 27/12/2009 với tổng vốn đầu tư hơn 200 tỉ đồng.

2010

OPC là công ty dược phẩm duy nhất trong 27 doanh nghiệp đạt Thương hiệu quốc gia lần thứ II.

Bộ trưởng BYT tặng bằng khen cho đơn vị đạt thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch Y tế giai đoạn 2006-2010.

OPC là doanh nghiệp dược duy nhất trong 9 doanh nghiệp Tp.HCM được tặng Bằng khen “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” năm 2010 của Ủy Ban Nhân Dân Tp.HCM.

NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG



2011

Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2011 - 2016).

2012

OPC là doanh nghiệp dược phẩm duy nhất đạt thương hiệu quốc gia 3 lần liên tiếp (2008 - 2013).

Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế kiểm tra và cấp giấy chứng nhận nhà máy sản xuất tại Bình Dương đạt tiêu chuẩn GMP WHO số 86/GCN-QLD ngày 21/03/2012.

Kỷ niệm 10 năm cổ phần hóa.

2013

Hàng Việt Nam Chất lượng cao 16 năm liền (1998 - 2013).

Top 100 Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 7 năm liền (2007-2013).

Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do Báo Nhịp cầu đầu tư bình chọn.

Vượt mốc doanh thu 550 tỉ đồng.

NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG



2014

Thương hiệu Quốc gia (là doanh nghiệp Dược duy nhất được nhận giải thưởng 4 lần liên tiếp).

Sao Vàng Đất Việt 8 năm liền (2007 - 2014).

Hàng Việt Nam Chất lượng cao 17 năm liền (1998 - 2014).

Ngôi sao thuốc Việt: thương hiệu OPC cùng 3 sản phẩm Dầu Khuynh diệp, Kim Tiền thảo & HoAstex.

Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập DN lớn nhất Việt Nam 5 năm liên tiếp (2010 - 2014).

2015

Hàng Việt Nam Chất lượng cao 19 năm liền (1998 – 2016).

Sao Vàng Đất Việt 9 năm liền (2007 – 2015).

Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 6 năm liên tiếp (2010 – 2015).

Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2015.

Doanh nghiệp tiêu biểu TP. HCM năm 2015.



Kinh doanh, gieo trồng, chế biến dược liệu;

Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư, máy móc thiết bị y tế, hoá chất, mỹ phẩm, thực phẩm, thực phẩm chức năng, rượu và các loại nước uống có cồn, nước uống có gaz;

Pha chế thuốc theo đơn;

Tư vấn, dịch vụ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y dược;

Kinh doanh xuất nhập khẩu trong lĩnh vực y và dược;

Bán buôn cao su;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê;

Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.



CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6,
TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại 08.37517111 - 08.38756619
Fax 08.38752048
Website www.opcpharma.com
Email info@opcpharma.com



CHI NHÁNH CẦN THƠ

Địa chỉ Lô A1-42 , A1-43 Đường số 10, Khu nhà ở Nam Long,
P.Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, TP.Cần Thơ
Điện thoại 0710.3837999 - 0710.3837799
Fax 0710.3837788
Website www.opcpharma.com
Email opccantho@opcpharma.com



CHI NHÁNH TIỀN GIANG

Địa chỉ 297 Nguyễn Thị Thập, Phường 5, TP. Mỹ Tho,
Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại 073.3950999
Fax 073.3958899
Website www.opcpharma.com
Email opctienjiang@opcpharma.com



CHI NHÁNH MIỀN ĐÔNG

| | |
|-------------------|--|
| Địa chỉ | Ấp Tân Hóa, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương |
| Điện thoại | 0650.3632178 |
| Fax | 0650.3632177 |
| Website | www.opcpharma.com |
| Email | opcmiendong@opcpharma.com |



CHI NHÁNH VŨNG TÀU

| | |
|-------------------|--|
| Địa chỉ | 38 Trương Văn Bang, Phường 7, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu |
| Điện thoại | 064.3832364 |
| Fax | 064.3832364 |
| Website | www.opcpharma.com |
| Email | opcvungtau@opcpharma.com |



CHI NHÁNH NHA TRANG

| | |
|-------------------|--|
| Địa chỉ | 70B Lê Hồng Phong - Phường Phước Hải TP.Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa |
| Điện thoại | 058.3871315 |
| Fax | 058.3871315 |
| Website | www.opcpharma.com |
| Email | opcnhatrang@opcpharma.com |



CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Địa chỉ Lô A29 - 31 - 33 - 35 Nguyễn Hữu Thọ,
Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

Điện thoại 0511.3697888

Fax 0511.3697973

Website www.opcpharma.com

Email opcdanang@opcpharma.com



CHI NHÁNH NGHỆ AN

Địa chỉ 99B Nguyễn Thái Học, Phường Lê Lợi,
TP.Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại 038.3585239

Fax 038.3585238

Website www.opcpharma.com

Email opcnghean@opcpharma.com



CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ 26BT1 Lô 2, Khu đô thị mới Mễ Trì Hạ
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại 04.37875336 - 04.37875337

Fax 04.37875338

Website www.opcpharma.com

Email opchanoi@opcpharma.com



NHÀ MÁY DƯỢC PHẨM OPC tại BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH MTV OPC BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ 09/ĐX04-TH, Tổ 7, Ấp Tân Hóa, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại 0650.3632732

Fax 0650.3632345

Website www.opcpharma.com

Email info@opcpharma.com



CTY CỔ PHẦN DƯỢC OPC - BẮC GIANG

Địa chỉ Thôn Bình An, Xã Tiên Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang

Điện thoại 0240.3559494

Fax 0240.3559494

Website www.opcpharma.com

Email info@opcpharma.com



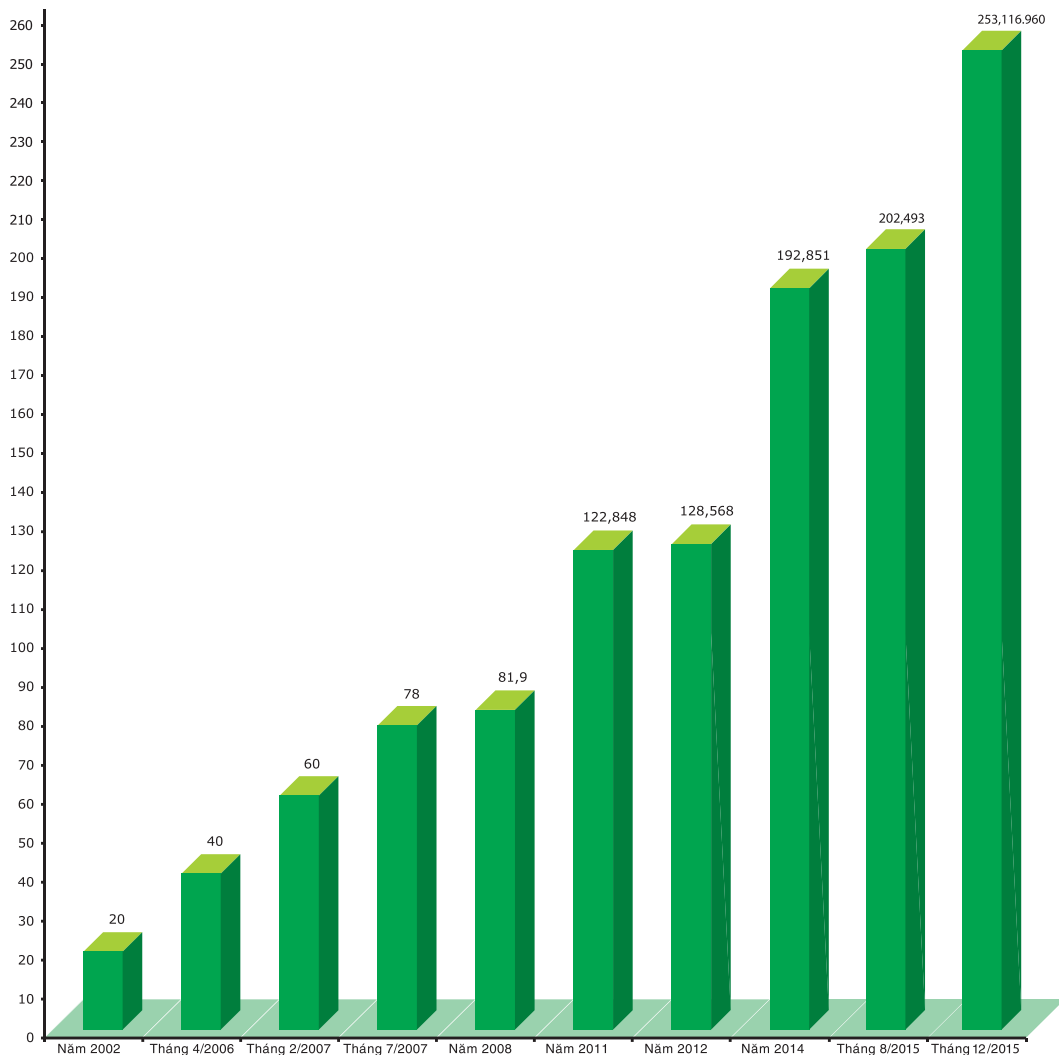
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI TRUNG QUỐC

Địa chỉ 7 -9 Jichang, Baiyong District, Guang zhou, China

Website www.opcpharma.com

Email info@opcpharma.com

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ



- Năm 2002 Vốn điều lệ ban đầu **20** tỷ đồng.
- Tháng 4/2006 Phát hành cổ phiếu thưởng tỉ lệ 1:1, vốn điều lệ đã tăng lên **40** tỷ đồng.
- Tháng 2/2007 Phát hành cổ phiếu ra công chúng bằng hình thức đấu giá đã tăng vốn điều lệ lên **60** tỷ đồng và đem lại nguồn vốn thặng dư là 109.629.836.238 đồng.
- Tháng 7/2007 Phát hành cổ phiếu thưởng tỉ lệ 30% cho cổ đông hiện hữu đã tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên **78** tỷ đồng.
- Tháng 1/2008 Phát hành thêm cổ phiếu với tỉ lệ phân bổ quyền 20:1 bằng mệnh giá đã tăng vốn điều lệ lên **81,9** tỷ đồng.
- Tháng 10/2011 Phát hành cổ phiếu thưởng tỉ lệ 50% cho cổ đông hiện hữu đã tăng vốn điều lệ từ **81,9** tỷ đồng lên **122,848** tỷ đồng.
- Tháng 8/2012 Phát hành cổ phiếu cho người lao động là cán bộ chủ chốt (ESOP OPC 2012) đã tăng vốn điều lệ từ **122,848** tỷ đồng lên **128,568** tỷ đồng.
- Tháng 12/2014 Phát hành cổ phiếu thưởng với tỉ lệ 2:1 cho Cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ tăng từ **128,568** tỷ đồng lên **192,851** tỷ đồng.
- Tháng 8/2015 Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn Người lao động của Công ty (ESOP OPC 2015) đã tăng vốn điều lệ từ **192,851** tỷ đồng lên **202,493** tỷ đồng.
- Tháng 12/2015 Phát hành cổ phiếu ra công chúng theo tỉ lệ 4:1 cho cổ đông hiện hữu đã tăng vốn điều lệ từ **202,493** tỷ đồng lên **253.116.960.000** đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trịnh Xuân Vương - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.

Số cổ phần sở hữu: 2.168.919 cp tỉ lệ 8,57%.

Ông Nguyễn Chí Linh - Phó Chủ tịch HĐQT

Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương

Số cổ phần sở hữu: 2.908.492 cp tỉ lệ 11,49%.

Ông Ngô Tân Long - Thành viên HĐQT

Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương

Số cổ phần sở hữu: 181.052 cp tỉ lệ 0,72%.

Ông Lê Minh Điểm - Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)

Số cổ phần sở hữu: 1.267.016 cp tỉ lệ 5,01%.

Ông Trương Đức Vọng - Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)

Số cổ phần sở hữu: 586.096 cp tỉ lệ 2,32%.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Chí Linh - Tổng giám đốc

Sinh năm 1959 tại Hà Tĩnh, dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam. Tốt nghiệp kỹ sư sinh hóa năm 1981. Hiện nay giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC. Ông được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT OPC kể từ ngày 14/04/2011 và Chủ tịch Hội đồng thành viên Cty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương kể từ ngày 21/04/2011.

Bà Lê Thị Thúy Anh - Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1970 tại TP.Hồ Chí Minh, dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam. Tốt nghiệp dược sĩ đại học năm 1995, thạc sĩ quản trị kinh doanh năm 2011. Được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 12/11/2013.

Số cổ phần sở hữu: 67.500 cp tỉ lệ 0,27%.

BAN KIỂM SOÁT

Bà Lê Thị Năm - Trưởng Ban kiểm soát

Số cổ phần sở hữu: 78.750 cp tỉ lệ 0,31%.

Ông Nguyễn Văn Tấn - Thành viên Ban kiểm soát

Giám đốc Tổ chức Lao động

Số cổ phần sở hữu: 32.593 cp tỉ lệ 0,13%.

Ông Lê Vũ Thuật - Thành viên Ban kiểm soát

Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương

Số cổ phần sở hữu: 111.915 cp tỉ lệ 0,44%.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Nguyễn Thế Đề

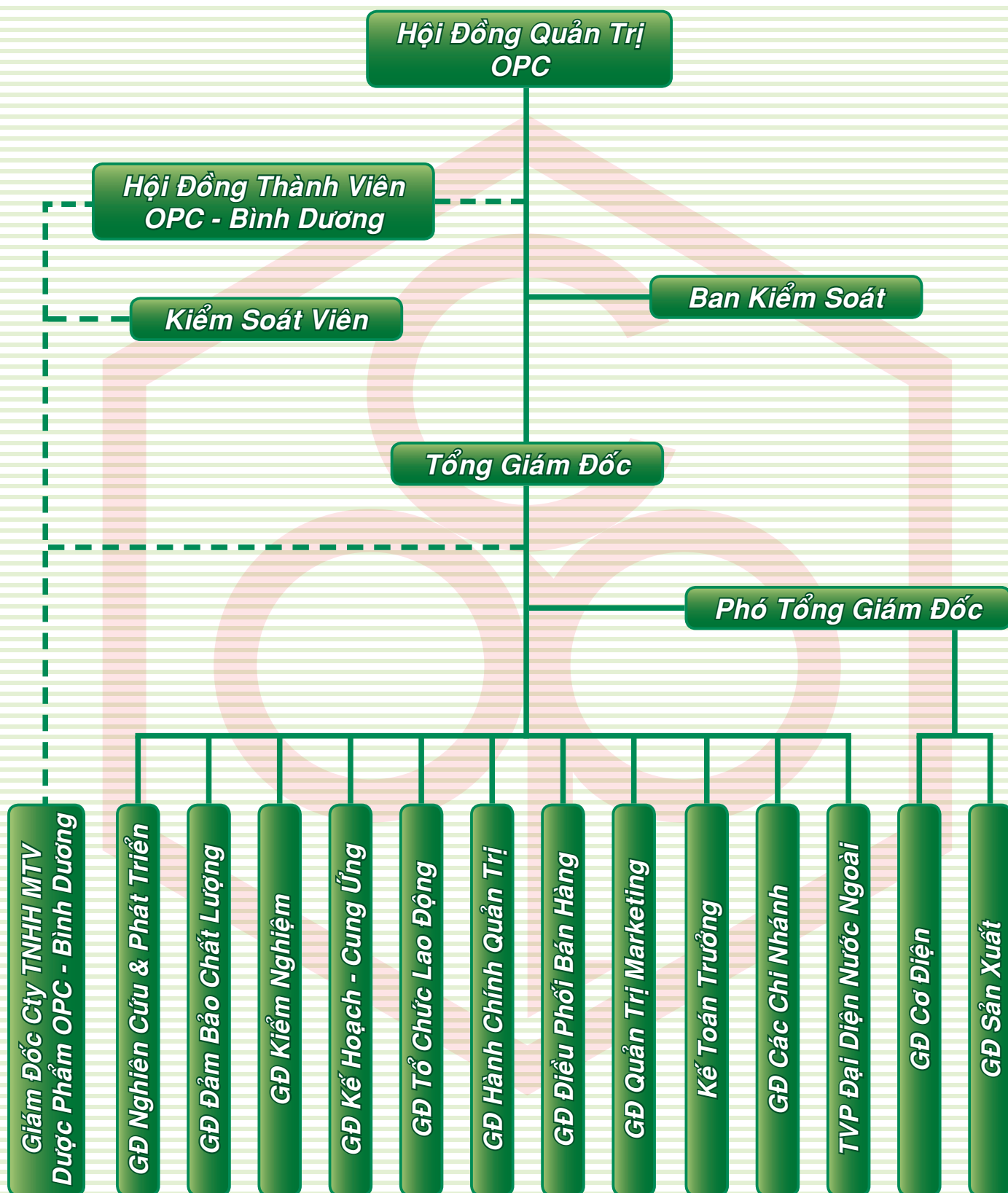
Số cổ phần sở hữu: 115.337 cp tỉ lệ 0,46%.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Thư ký Công ty

Giám đốc Hành chính Quản trị

Số cổ phần sở hữu: 80.165 cp tỉ lệ 0,32%.





Ông Trịnh Xuân Vương
Chủ tịch HĐQT



Ông Nguyễn Chí Linh
*Phó Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám Đốc*



Ông Lê Minh Điểm
Thành viên HĐQT



Ông Ngô Tân Long
Thành viên HĐQT



Ông Trương Đức Vọng
Thành viên HĐQT



Ông Nguyễn Văn Tấn
Thành viên Ban kiểm soát



Bà Lê Thị Năm
Trưởng Ban kiểm soát



Ông Lê Vũ Thuật
Thành viên Ban kiểm soát



Năm 2015, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tập trung chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ kịp thời hoạt động của Ban điều hành (BDH) trong việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh. Hệ thống phân phối các chi nhánh phát triển tốt đã góp phần tăng trưởng ổn định doanh thu và lợi nhuận. Năm 2015, tổng doanh thu là 663,9 tỷ đạt 108% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế là 92,1 tỷ đạt 104,7% so với kế hoạch. Cổ tức dự kiến trình ĐHĐCĐ thông qua là 20%.

HĐQT đã tuân thủ các quy định của pháp luật & Điều lệ Công ty về tần suất họp cũng như các thủ tục pháp lý về cuộc họp HĐQT.

Năm 2015 HĐQT đã họp 5 kỳ và ban hành 29 Nghị quyết. Tất cả các nội dung thảo luận bao gồm nhiều lĩnh vực và đều thuộc thẩm quyền của HĐQT. Hầu hết các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ cuộc họp HĐQT, trường hợp vắng mặt đều có lý do và có ủy quyền bằng văn bản. Tất cả buổi họp HĐQT đều có sự hiện diện của Ban kiểm soát (BKS).

THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Chi trả cổ tức

Thực hiện Nghị Quyết của ĐHĐCĐ, ngày 05/05/2015 HĐQT đã ban hành Nghị Quyết 470/NQ – HĐQT thực hiện chi trả cổ tức đợt 2/2014 với tỉ lệ 10%/Vốn điều lệ (VDL). Như vậy tổng cộng cổ tức đã chi trả cho năm 2014 là 20%.

Thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành Nghị Quyết số 1026/NQ – HĐQT ngày 09/09/2015 v/v chi trả cổ tức đợt 1/2015 với tỉ lệ 10%/VDL. Tháng 2/2016 Công ty cũng đã thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2/2015 với tỉ lệ 10%/VDL. Dự kiến trình ĐHĐCĐ thông qua mức chi trả là 20%/VDL.

- Tăng vốn điều lệ

Năm 2015 thực hiện Nghị Quyết số 382/NQ–ĐHĐCĐ ngày 10/04/2015 của ĐHĐCĐ, ngày 15/06/2015 HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC đã ban hành Nghị Quyết số 601/NQ – HĐQT về việc Thông qua chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn Người lao động của Công ty (ESOP OPC 2015). Theo đó tổng số cổ phần được phát hành thêm là 964.255 cổ phần. Số cổ phần trên đã được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (TTLKCKVN) cấp giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 103/2008/GCNCP–VSD–4 ngày 14/08/2015 và được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (SGDCKTP.HCM) cấp Quyết định niêm yết số 355/QĐ–SGDHCM ngày 17/08/2015, vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 192.851.020.000 đồng lên 202.493.570.000 đồng.



Tháng 12/2015 Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng theo tỉ lệ 4:1 cho cổ đông hiện hữu theo đó tổng số cổ phần đã phát hành thêm là 5.062.339 cổ phần, đã được TTLKCK-VN cấp giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 103/2008/GCNCP-VSD-5 ngày 15/12/2015 và được SGDKTP.HCM cấp Quyết định niêm yết số 573/QĐ – SGDHCM ngày 16/12/2015. Sau đợt phát hành vốn điều lệ đã tăng lên 253.116.960.000 đồng.

THỰC HIỆN CÁC QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT & CÔNG BỐ THÔNG TIN

Các quy chế ban hành đã từng bước nâng cao hiệu quả quản trị Công ty, tăng cường sự phối hợp giữa HĐQT và BĐH, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, xây dựng và phát triển tốt mối quan hệ đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC gồm các tiểu ban: Kỹ thuật công nghệ & Chính sách phát triển, Nhân sự, Lương thưởng, Kiểm tra nội bộ, Quan hệ cổ đông.

Việc công bố thông tin được thực hiện đúng thời gian và đầy đủ theo quy định của Pháp luật bao gồm các nội dung: thông tin 24h, 72h và định kỳ (báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị, báo cáo giao dịch cổ đông có liên quan và những báo cáo khác).

Thực hiện hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) về việc công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán thông qua hệ thống công bố thông tin điện tử (IDS), Công ty tiếp tục thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC quy định về việc trích thù lao HĐQT & BKS không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế được phân phối.

| Nội dung | Số tiền (VNĐ) |
|--|----------------|
| Lợi nhuận sau thuế(LNST) được phân phối năm 2015 | 70.264.968.580 |
| Thù lao HĐQT & BKS trong năm 2015 | 3.510.888.882 |
| Tỷ lệ % thù lao / LNST | 5% |

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Năm 2016, HĐQT tiếp tục chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi để BĐH hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2016.

Tiếp tục giữ vững & phát triển vị thế OPC trên thị trường trong và ngoài nước.

Mở rộng sản xuất kinh doanh thuốc phiến.

Đầu tư mở rộng cơ sở vật chất cho chi nhánh Hà Nội, Nha Trang.

Tìm kiếm đối tác phù hợp để chuyển hướng đầu tư, sử dụng hiệu quả khu đất 1017 Hồng Bàng – Q.6 – TP. HCM.

Tăng cường hợp tác liên kết với Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 đưa ra những chiến lược cùng nhau phát triển.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 08/03/2016:

| STT | Đối tượng | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|---|------------|------------------|
| 1 | Tổng số cổ phần đang lưu hành | 25.311.696 | 100% |
| | - Tổng số cổ phần chuyển nhượng tự do | 24.288.441 | 95,96% |
| | - Tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng | 1.023.255 | 4,04% |
| 2 | Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên | 13.822.311 | 54,61% |
| | - Cổ đông là tổ chức trong nước | 7.477.884 | 29,54% |
| | - Cổ đông là cá nhân trong nước | 6.344.427 | 25,07% |
| 3 | Cổ đông khác | 11.489.385 | 45,39% |
| | - Trong nước | 9.335.199 | 36,89% |
| | - Nước ngoài | 2.154.186 | 8,50% |



Trong năm 2015, Ban Kiểm Soát đã có 02 cuộc họp. Các thành viên đã tham dự đầy đủ, nội dung các cuộc họp bao gồm báo cáo công việc được phân công và trao đổi thông tin để nắm bắt tình hình quản trị, điều hành của Công ty.

Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp của HĐQT.

Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm soát đối với hoạt động của Công ty trong năm 2015 các lĩnh vực như sau:

- Giám sát việc tuân thủ điều lệ, pháp luật trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Kiểm soát báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2015.
- Kiểm soát việc thực hiện các qui trình đầu tư, mua sắm và thanh lý tài sản.
- Tham gia công tác kiểm tra tình hình hoạt động các Chi nhánh của Công ty
- Tham gia cùng HĐQT trong việc lựa chọn Công ty kiểm toán.
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và bất thường.

Trong năm 2015, Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành Công ty đã thực hiện được hầu hết các Nghị quyết quan trọng của Đại hội đồng cổ đông trên các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, thu nhập cho người lao động, thực hiện các dự án đầu tư, tăng vốn điều lệ và chi trả cổ tức.

Đối với dự án khu đất 1017 Hồng Bàng, đề nghị HĐQT và BDH tiếp tục nỗ lực tìm kiếm giải pháp để sử dụng hiệu quả khu đất.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Để thực hiện tốt chức năng kiểm soát hoạt động của Công ty theo Luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch kiểm soát cho năm 2016 như sau:

Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

Kiểm soát báo cáo tài chính 6 tháng và hàng năm của Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015



| CÁC CHỈ TIÊU | NĂM 2015 | | | NĂM 2014 | |
|--|----------|--------------------------------|--------|--------------------------------|---------------|
| | KẾ HOẠCH | THỰC HIỆN | %TH/KH | THỰC HIỆN | %TH 2015/2014 |
| Tổng doanh thu | 615 | 663,9 | 108% | 612,9 | 108,3% |
| Lợi nhuận trước thuế | 88 | 92,1 | 104,7% | 86,2 | 106,8% |
| Cổ tức (%) | 20 | 20 (VĐL = 253,1 tỷ đồng) | | 20 (VĐL = 192,9 tỷ đồng) | |
| Thu nhập bình quân triệu đ/người/ tháng | 12 | 12,9 | 107,5% | 11,9 | 108,4% |

Tổng doanh thu năm 2015 là 663,9 tỷ đồng đạt 108% so với kế hoạch năm và 108,3% so với cùng kỳ năm 2014. Kết quả sản xuất kinh doanh vượt mốc 660 tỷ đồng đã đánh dấu bước ngoặt mới trong quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu OPC.

Lợi nhuận trước thuế 92,1 tỷ đồng, đạt 104,7% so với kế hoạch năm và 106,8 % so với cùng kỳ năm 2014.

Thu nhập bình quân 12,9 triệu đồng/người/tháng; tăng 0,9 triệu đồng so với kế hoạch & 1 triệu đồng so với cùng kỳ.

Cổ tức dự kiến trình ĐHCĐ thông qua là 20%/VĐL.



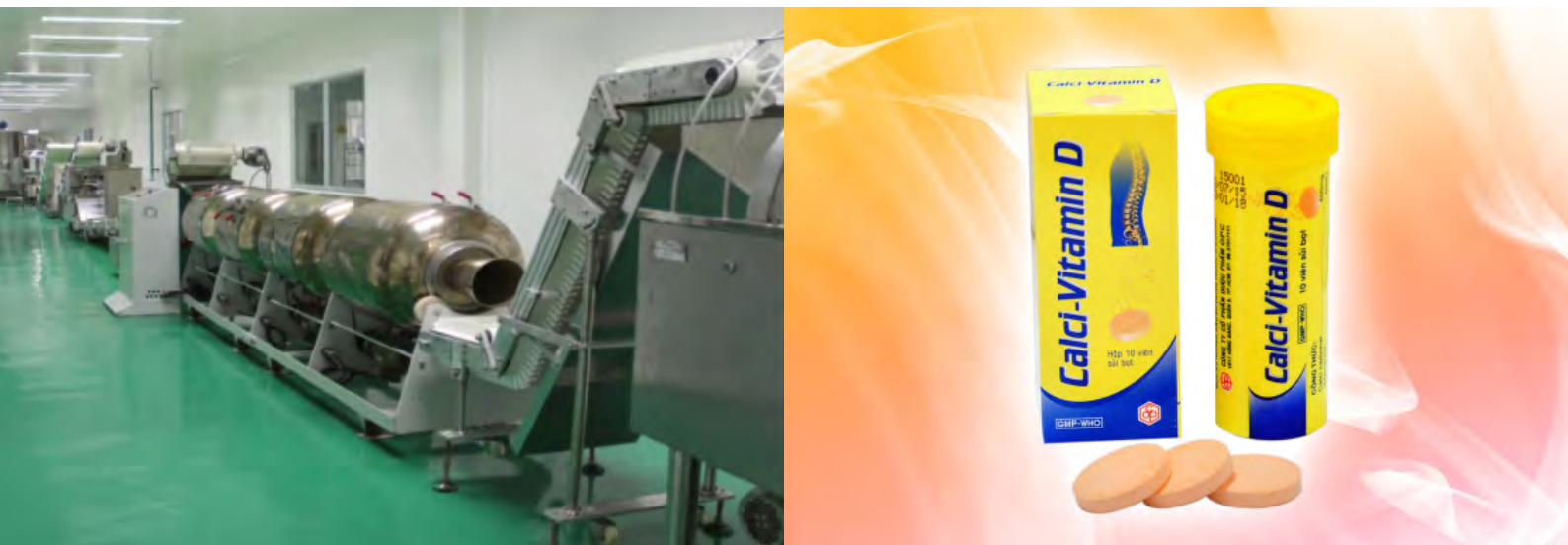
Hệ thống phân phối tiếp tục được mở rộng đến các tỉnh thành trên cả nước góp phần tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, thị phần và nâng cao thương hiệu OPC. Năm 2015, Công ty tiếp tục tập trung phát triển thị trường khối điều trị như: bệnh viện, các phòng khám, phòng chẩn trị y khoa,... kể cả ở vùng sâu, vùng xa (miền núi, biên giới, hải đảo,...).

Công ty đã đầu tư mua hai lô đất tọa lạc tại số AP 414420 & AP 41421 quận Hà Đông - TP. Hà Nội, dự kiến khởi công xây dựng tháng 4/2016 nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động phát triển của chi nhánh và đáp ứng các tiêu chuẩn của ngành Dược, góp phần mở rộng hệ thống phân phối đưa sản phẩm OPC ngày càng thâm nhập nhiều hơn, sâu hơn đến vùng cao nguyên, đồng bào dân tộc miền núi phía Bắc.

Trong năm 2015, Công ty đã đầu tư 2,7 tỉ đồng để mua sắm phương tiện vận tải, máy móc thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển, phục vụ công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

Những hoạt động quảng bá, xây dựng và phát triển thương hiệu dược duy trì, uy tín sản phẩm OPC ngày càng khẳng định trên thị trường. Thông điệp về tầm nhìn và sứ mệnh của OPC luôn được truyền tải nhất quán đến khách hàng. Công ty đã tổ chức chuỗi các hoạt động chuyên ngành: tham gia 10 hội chợ tại Tiền Giang, Đồng Tháp, TP. HCM, Đồng Nai,...; tổ chức 33 cuộc hội nghị khoa học - hội thảo khối điều trị; 20 hoạt động hội thao, PR, tài trợ; tổ chức chương trình quay số khuyến mãi "Mùa hè may mắn - Nhân đôi niềm vui" nhằm tri ân khách hàng đồng hành cùng OPC nhiều năm qua.

Công ty đã đạt các danh hiệu cao quý như: Sao Vàng Đất Việt 9 năm liền (2007 – 2015), Hàng Việt Nam Chất lượng cao 19 năm liền (1998 – 2016), Ngôi sao thuốc Việt với 3 sản phẩm Dầu Khuynh diệp, Kim Tiền thảo & HoAstex, Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập DN lớn nhất Việt Nam 6 năm liền tiếp (2010 – 2015), Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2015 (FAST 500), Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2015, Doanh nghiệp tiêu biểu TP. HCM năm 2015,..



Việc đầu tư công nghệ mới tại nhà máy OPC Bình Dương tiếp tục phát huy hiệu quả, góp phần tăng năng suất lao động, hợp lý hoá quy trình sản xuất, giảm giá thành sản phẩm và đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường:

- » Hệ thống chiết chai tự động thuốc nước bao gồm (chiết chai, xiết nắp, dán nhãn, xếp toa và vô hộp tự động).
- » Máy rửa chai tự động.
- » Máy đóng gói hút chân không thuốc phiến.
- » Máy đóng túi thuốc bột sủi,...

Đã triển khai sản xuất các sản phẩm mới: Viên Diệt Hạ Châu PYLANTIN, Viên sụn khớp FRESCAP, Bát trân hoàn, Cao Linh chi, Cốm bột ASPARTAM, Thuốc mỡ TRANCUMIN OPC, POVIDON IOD 10%, Viên sủi bọt CALCI VITAMIN D, Viên ngậm VITAMIN C – GLUCOSE & dòng sản phẩm thuốc phiến.

Đã nghiệm thu 10 đề tài cấp cơ sở và nộp hồ sơ đăng ký đến Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế (Viên mỡ máu RUVINTAT, KIẾN NHI OPSURE, Viên An trí SOPHOCAN, ORESOL Hương chanh, Viên bào tử Linh chi GANOPOLEN, NORMO – OPC, O.P.FARTON, MULTIVITAMIN, VITAMIN AD, ORESOL Hương cam).

Tiếp nhận chuyển giao một đề tài từ Sở Khoa học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh: RUVINTAT - Thuốc điều trị rối loạn chuyển hóa lipid máu có nguồn gốc thảo dược.

Thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học cấp Thành phố: Nghiên cứu bào chế và tiêu chuẩn hóa sản phẩm chứa tinh dầu chuẩn hóa Lá Trà Không hỗ trợ điều trị bệnh Tay Chân Miệng.

Tính đến 31/12/2015, OPC được Bộ Y Tế cấp phép sản xuất và lưu hành toàn quốc 118 sản phẩm; 23 số đăng ký sản phẩm xuất khẩu nước ngoài: Lào, Nigeria, Moldova, Myanmar, Pháp, Đài Loan.

Tính đến 31/12/2015, OPC được Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam cấp 230 văn bằng độc quyền trong nước bao gồm: tên nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hình, Logo Công ty, biểu tượng, slogan, bản quyền tác giả,...; bên cạnh đó, Logo OPC đã được bảo hộ độc quyền 25 quốc gia trên thế giới.



Phong trào sáng kiến – ý tưởng mới phát triển mạnh, đã góp phần hợp lý hóa quy trình sản xuất, cải tiến trong nghiệp vụ, tăng cường tiết kiệm trong lao động, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế. Tổng số tiền thưởng cho phong trào này là 497,5 triệu đồng.

Ngày 30/06/2015, Cục Quản lý Y, Dược Cổ truyền – Bộ Y Tế Việt Nam đã thẩm định và cấp Phiếu tiếp nhận Bản công bố số 02/YDCT-QLHN cho Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang đối với dược liệu Kim tiền thảo (*Desmodium styracifolium* (Osb.) Merr. Họ Đậu) sản xuất theo GACP - WHO (Good Agricultural and Collection Practices – Thực hành trồng trọt và thu hái tốt theo Tổ chức Y Tế Thế giới).

Tháng 12/2015 Công ty được tái cấp Giấy chứng nhận ISO 9001:2008.

CÔNG TÁC GÓP VỐN ĐẦU TƯ



» Góp vốn vào công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 : 26.760.000.000 đ

Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang : 6.000.000.000 đ

» Đầu tư dài hạn khác

| STT | Tên cổ phiếu/ Chứng chỉ quỹ | Số lượng (CP/CCQ) | Trị giá (đồng) |
|------------------|--|-------------------|-----------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Dược phẩm Vidipha | 180.000 | 4.070.000.000 |
| 2 | Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh | 225.000 | 2.750.000.000 |
| 3 | Công ty Cổ phần Bao bì Dược | 100.000 | 1.500.000.000 |
| 4 | Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam | 50.000 | 1.250.000.000 |
| 5 | Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình | 7.000 | 790.000.000 |
| 6 | Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Vật tư Y tế Tuyên Quang | 10.000 | 100.000.000 |
| Tổng cộng | | | 10.460.000.000 |





Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương là Công ty con của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC, được thành lập với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4604000067 – Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Dương cấp ngày 11/06/2007, có vốn điều lệ 15 tỉ đồng. Công ty tọa lạc tại địa chỉ số 09A/ĐX 04 tổ 7, ấp Tân Hóa, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Lĩnh vực hoạt động : Dược phẩm, hóa chất, thực phẩm... Sản phẩm chính là Ethanol tinh luyện 96% đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam IV. Doanh thu bình quân đạt 70 tỉ đồng/năm. Ngày 16/07/2010, Bộ Y tế - Cục quản lý Dược Việt Nam đã cấp giấy chứng nhận GMP – WHO (Thực hành tốt sản xuất thuốc) theo quyết định số 198/CN-QLD.





Phần mềm Quản trị Kinh doanh – Kế toán Tài chính Bravo hoạt động tốt đã hỗ trợ kịp thời nghiệp vụ kinh doanh, báo cáo Kế toán tài chính đáp ứng theo quy định của Nhà nước và yêu cầu thực tế của Công ty.

Triển khai áp dụng thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, 202/2014/TT-BTC và các nghiệp vụ tài chính kế toán theo quy định mới của Bộ Tài chính.

Quản lý và sử dụng nguồn vốn hợp lý, hiệu quả, đáp ứng kịp thời về vốn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ vốn lưu động cho Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương và Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang, cân đối nguồn để vay vốn với chi phí lãi vay thấp nhất, thu xếp trả vốn vay trước hạn nhằm tiết kiệm chi phí lãi vay góp phần gia tăng lợi nhuận.

Quản lý chặt chẽ tài sản đảm bảo tính minh bạch và công khai tài chính.

Báo cáo tài chính được thực hiện đúng nội dung và thời hạn quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Việc chi trả cổ tức được thực hiện đúng và đầy đủ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ & Nghị quyết HĐQT.

Việc phân tích giá thành, chi phí và đánh giá từng mặt hàng kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đội ngũ kế toán luôn được nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, nắm bắt kịp thời các chính sách, quy định trong công tác tài chính kế toán.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu | Năm 2014 (trình bày lại theo TT 200) | Năm 2015 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|--------------------------------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 533.045.362.810 | 591.651.108.595 | 111% |
| Doanh thu thuần | 612.474.518.711 | 663.213.422.220 | 108% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 85.796.420.890 | 91.524.600.676 | 107% |
| Lợi nhuận khác | 395.215.997 | 543.840.315 | 138% |
| Lợi nhuận trước thuế | 86.191.636.887 | 92.068.440.991 | 107% |
| Lợi nhuận sau thuế | 65.659.331.644 | 70.316.466.538 | 107% |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức (%) | 20 | 20 | 100% |

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| Chỉ tiêu | Năm 2014 | Năm 2015 | Ghi chú |
|------------------------------------|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn | 2,33 | 2,87 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh | 0,83 | 1,14 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/ Tổng tài sản | 0,27 | 0,22 | |
| + Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu | 0,37 | 0,28 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | | | |
| Giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho BQ | 1,66 | 1,72 | |
| + DTT/ Tổng tài sản bình quân | 1,14 | 1,18 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số LNST/ DTT | 0,11 | 0,11 | |
| + Hệ số LNST/ Vốn CSH | 0,17 | 0,15 | |
| + Hệ số LNST/ Tổng tài sản | 0,12 | 0,12 | |
| + Hệ số LN từ HĐKD/ DTT | 0,14 | 0,14 | |

- Tình hình tài sản

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2015 là 591,6 tỉ đồng, tăng 58,6 tỉ đồng so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó tài sản dài hạn tăng 26,9 tỉ đồng, tài sản ngắn hạn tăng 31,7 tỉ đồng. Tài sản dài hạn tăng do Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25. Tài sản ngắn hạn tăng do quy mô hoạt động tăng nên mức dự trữ hàng tồn kho, công nợ phải thu tăng lên tương ứng. Đồng thời do lượng tiền tăng vốn thu vào cuối tháng 12/2015. Công ty đã sử dụng hiệu quả tài sản của đơn vị cụ thể vòng quay tài sản năm 2014 là 1,14 lần; năm 2015 là 1,18 lần tăng 0,04 lần so với năm 2014. Tình hình công nợ phải thu của Công ty năm 2015 khá tốt, mức độ nợ khó đòi không đáng kể so với tổng công nợ phải thu.

- Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2015 là 135 tỉ đồng, giảm 8,2 tỉ đồng so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó nợ dài hạn biến đổi không đáng kể, chủ yếu là nợ ngắn hạn giảm do Công ty giảm nợ vay ngân hàng. Các khoản nợ phải trả của Công ty đến 31/12/2015 đều có khả năng thanh toán.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC, ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC & CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG



| Cơ cấu lao động | Năm 2015 | Năm 2014 | Tỷ lệ % |
|------------------------|----------|----------|---------|
| Đại học và sau đại học | 187 | 177 | 105,6 % |
| Cao đẳng và THCN | 382 | 374 | 102,1 % |
| Công nhân kỹ thuật | 207 | 211 | 98,1 % |
| Tổng cộng | 776 | 762 | 101,8 % |

Cùng với việc thực thi chính sách địa phương hóa nguồn lao động giản đơn, Công ty đã tiếp tục duy trì một số chính sách nhằm hỗ trợ kịp thời, đồng viên người lao động tiếp tục đồng hành với Công ty làm việc ổn định tại nhà máy Bình Dương.

Các chế độ, chính sách khác liên quan đến người lao động được duy trì, tuân thủ theo quy định của luật pháp và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết giữa Công đoàn và người sử dụng lao động.

Trong năm 2015, Công ty đã tiến hành xây dựng hệ thống thang bảng lương mới để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định mới của Luật Bảo hiểm xã hội 2014 (hiệu lực thi hành từ 01/01/2016) với mức đóng thấp nhất là 3.750.000 đ (đối với lao động đã qua đào tạo tay nghề).

Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV tại Trung tâm Y khoa Hòa Hảo – TP. HCM; tổ chức du lịch nghỉ mát; các loại tiền thưởng (thưởng hoàn thành kế hoạch, lễ, tết,...) được chi trả kịp thời nhằm động viên tinh thần làm việc, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của người lao động.

Hưởng ứng lễ phát động phong trào thi đua vượt mốc 615 tỉ đồng, OPC đã trao tặng cho 38 cá nhân đạt Cúp vàng Kinh doanh 2015, 36 cá nhân đạt Chiến sĩ thi đua Cúp vàng Kinh doanh 3 năm liên tiếp (2013-2014-2015) & các chi nhánh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh doanh năm 2015. Tổng số tiền thưởng của phong trào này là 586,5 triệu đồng.

Trong lĩnh vực huấn luyện, đào tạo Công ty luôn quan tâm đến việc cập nhật kiến thức và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Có 53 lớp học được tổ chức & 865 lượt người tham gia. Nội dung bao gồm nhiều lĩnh vực: GPs, GMP PIC/S, ISO 9001:2015, An toàn lao động – Vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy, Huấn luyện vận hành máy móc thiết bị, các nghiệp vụ kiểm nghiệm, Sản phẩm mới, Tập huấn chuyên đề về tài chính kế toán – chế độ quản lý lao động – tiền lương – BHXH, Kỹ năng quản lý ... Ngoài ra, công ty cũng đã tiếp nhận thực tập, huấn luyện đào tạo cho sinh viên từ Trung cấp, Đại học gửi đến tham quan và học tập.



Trong quá trình hoạt động, OPC luôn chú tâm đến các vấn đề môi trường. Công ty đã thành lập tổ Môi trường có nhiệm vụ vận hành hệ thống xử lý nước thải, quản lý việc thu gom các loại chất thải từ sản xuất của Nhà máy. Nhà máy đã trang bị các thiết bị đo kiểm COD, BOD, pH, có phòng kiểm mẫu nước thải. Hàng tháng lập kế hoạch lấy mẫu nước thải hoặc đột xuất lấy mẫu để tự kiểm tra các chỉ tiêu, giúp cho công tác vận hành hệ thống được tốt hơn. Hàng quý họp đồng với Trung tâm Quan trắc Môi trường tỉnh Bình Dương về giám sát môi trường tại Nhà máy.

Các chứng chỉ được cấp:

- Sổ chủ nguồn chất thải nguy hại do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp ngày 24/10/2014 (lần 2), mã số quản lý 74.001803.T.
- Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường số 62/QĐ – STNMT ngày 17/01/2012 do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp cho Nhà máy Dược phẩm OPC, công suất 5.000 tấn/năm.
- Công văn số 3265/GXN – STNMT ngày 30/09/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương về việc hoàn thành thực hiện các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho Nhà máy Dược phẩm OPC công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm.



Trong năm 2015, nhiều hoạt động xã hội được CBCNV quan tâm và hưởng ứng như: quyên góp ủng hộ chương trình “Tuổi trẻ vì Biển đảo quê hương”, “Xuân yêu thương”, quỹ người nghèo Quận 6, quỹ đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ gia đình thương binh; tặng quà & chúc tết gia đình khó khăn, tổ chức họp mặt truyền thống, khám chữa bệnh từ thiện, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi,.... Tổng số tiền đóng góp là 383 triệu đồng. Ngoài ra, ngày 06/01/2016 OPC đã phối hợp cùng Hội chữ thập đỏ TP Hồ Chí Minh tổ chức ngày hội hiến máu nhân đạo với chủ đề “Một giọt máu - Triệu tấm lòng” thu hút được sự tham gia của trên 50 CBCNV, đã bổ sung khoảng 12.000 ml máu vào kho máu của Viện Huyết học và Truyền máu Trung ương.





Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này Công ty quản trị bằng cách chủ động nguồn nguyên được liệu, mua dự trữ các nguyên liệu theo mùa vụ và các nguyên liệu chính.

Rủi ro về thị trường

Thị trường trong nước: các mặt hàng được phẩm trong nước hiện nay có sự cạnh tranh về mặt bằng giá làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty chịu sự cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất được nước ngoài và trong nước, bao gồm cả đồng được lẫn tân được. Không những thế, Công ty phải cạnh tranh với các cơ sở sản xuất đồng được, thô sơ, nhỏ lẻ có giá thành sản phẩm thấp hơn nhiều. Sự cạnh tranh tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Thị trường nước ngoài: các rào cản kỹ thuật của các thị trường khó tính như Châu Âu, Mỹ, một số nước Châu Á gây ảnh hưởng đáng kể đến kế hoạch xuất khẩu của Công ty vào các thị trường này. Chi phí vận chuyển, chi phí giao nhận ngày một tăng cao, thủ tục xuất nhập khẩu còn rườm rà và nhiều rào cản đã làm ảnh hưởng đến việc cạnh tranh hàng hóa Việt Nam nói chung và OPC nói riêng.



Rủi ro hàng nhái, hàng kém phẩm chất

Hiện nay trong lĩnh vực hoạt động của Công ty, tình trạng hàng nhái, hàng kém phẩm chất, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đang có xu hướng gia tăng. Tình trạng này nếu không được ngăn chặn sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín và thương hiệu cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của OPC.

Các rủi ro đặc thù về sản phẩm, kỹ thuật, công nghệ

Thuốc là một loại hàng hóa đặc biệt, để cho ra đời một sản phẩm thuốc đạt chất lượng (hiệu quả, an toàn), đòi hỏi Công ty đầu tư lượng chất xám và chi phí khá lớn. Các nguyên vật liệu liên quan đến việc sản xuất thuốc phải đạt những tiêu chuẩn quy định, điều kiện sản xuất thuốc phải đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.

Thuốc phải được thử nghiệm lâm sàng trước khi được cấp Số đăng ký lưu hành. Đây là một quá trình dài, phức tạp và tốn kém. Trong khi đó giá bán thuốc phải chịu sự kiểm soát của ngành, chưa có ưu đãi đặc biệt cho những doanh nghiệp đầu tư công nghệ, chất xám.

Điều kiện kiểm nghiệm đối chứng có thể khác nhau giữa các quốc gia. Thông tin về dây chuyền công nghệ, các kỹ thuật về theo dõi độ ổn định, kỹ thuật và thiết bị kiểm tra dư lượng thuốc trừ sâu hoặc giới hạn nồng độ các chất không cho phép theo quy ước quốc tế có thể gây ra một số rủi ro về chất lượng sản phẩm.

Tốc độ phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và việc đáp ứng kịp thời nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng cũng tạo ra sức ép, đòi hỏi Công ty phải thay đổi về mẫu mã, đầu tư đổi mới trang thiết bị sản xuất, cải tiến kỹ thuật và nâng cao tay nghề lao động để đảm bảo khả năng cạnh tranh của Công ty.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Dự kiến trình ĐHĐCĐ năm 2016 thông qua:

- Tổng doanh thu: 680 tỉ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 95 tỉ đồng.
- Cổ tức: 20 %.
- Thu nhập bình quân: 13 triệu đồng/ tháng/ người.

CÁC LĨNH VỰC TRỌNG TÂM KHÁC

Tiếp tục phát huy hiệu quả dự án Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang, trong đó có phạm vi nuôi trồng và thu hái dược liệu theo xu hướng đạt tiêu chuẩn GACP như Kim Tiền Thảo đối với các dược liệu chủ lực khác.

Chủ động kế hoạch dự trữ nguyên phụ liệu, sản xuất gói đầu để đáp ứng kịp thời định hướng mở rộng thị trường và chiếm lĩnh các phân khúc thị trường truyền thống.

Bằng các giải pháp khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại, tiếp tục cải tiến quy trình sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, gia tăng lợi nhuận.

Triển khai việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng mới theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Tìm đối tác hợp tác nghiên cứu phát triển sản phẩm từ bài thuốc có xuất xứ công thức, hoặc đã nghiên cứu và nghiệm thu ở các cấp độ; nghiên cứu chuyên sâu trên sản phẩm đã có SDK, đang sản xuất và phân phối.

Đầu tư nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, tăng cường hợp tác nghiên cứu những sản phẩm có đầu tư tốt trong tiêu chuẩn hóa chất lượng, đặc biệt là đánh giá tác dụng dược lý và lâm sàng.

Phát triển lĩnh vực sản xuất chế biến và mở rộng mạng lưới phân phối thuốc phiên cung cấp cho thị trường khối điều trị, các bệnh viện, phòng chẩn trị, phòng khám,... trước xu thế “Người Việt ưu tiên dùng thuốc Việt” của Bộ Y Tế Việt Nam và thực hiện Bảo hiểm y tế toàn dân.

Đầu tư xây dựng chi nhánh Hà Nội, mở rộng cơ sở vật chất chi nhánh Nha Trang.

Tiếp tục giữ vững thị phần & mở rộng thị trường, phát triển thị trường OTC, quan tâm đặc biệt thị trường ETC bao gồm cả vùng sâu, xa xôi hẻo lánh, miền núi, đồng bào dân tộc,... tăng sản lượng các mặt hàng chủ lực và có tiềm năng.

Tổ chức hội nghị, hội thảo,... tại các chi nhánh OPC trên toàn quốc nhằm tăng cường mối quan hệ và xây dựng hình ảnh công ty đến khách hàng. Tiếp tục quảng bá thương hiệu OPC và sản phẩm Công ty trên các phương tiện truyền thông bằng nhiều hình thức: PR, tự giới thiệu, hội thảo, hội chợ, truyền hình, phát thanh, website, mobiphone, phương tiện vận chuyển,...

Tiếp tục tìm kiếm giải pháp để phát huy hiệu quả việc chuyển đổi công năng của khu đất 1017 Hồng Bàng – Quận 6 – Tp. Hồ Chí Minh.

Phát huy vai trò cổ đông chiến lược trong việc mở rộng mạng lưới phân phối & đồng hành cùng với sự phát triển của Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25.



Năm 2015, cùng với tình hình kinh tế thế giới & Việt Nam có nhiều biến chuyển, Ban Điều hành đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ĐHCĐ & HĐQT giao phó. Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2016 có dấu hiệu tích cực với nhiều điểm sáng nhưng vẫn còn nhiều thách thức, tiềm ẩn rủi ro cao. Đặc biệt Việt Nam chính thức trở thành thành viên của cộng đồng chung ASEAN, ký kết tham gia hiệp ước hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) & lộ trình cam kết thực hiện WTO đối với ngành dược sẽ tiếp tục tạo nhiều sức ép cho các Công ty nội địa phải cạnh tranh không cân sức ngay trên sân nhà. Đó cũng chính là những thách thức của Doanh nghiệp Việt Nam, các Công ty Dược nói chung và cả OPC nói riêng.

Với những thành quả đạt được, thay mặt BDH, tôi trân trọng gửi lời biết ơn đến Quý khách hàng, Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Nhà cung cấp, Quý ban ngành đoàn thể cùng toàn thể CBCNV đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ để Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2015.

Tiếp tục phát huy truyền thống đó, chúng tôi tin tưởng rằng Quý vị sẽ tiếp tục giúp đỡ, ủng hộ OPC trong việc thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.

“NỖ LỰC CÔNG HIẾN – VỮNG BƯỚC TIẾN LÊN”

Đó chính là Slogan của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC năm 2016.

Kính chúc Quý vị năm mới nhiều sức khỏe, hạnh phúc, thịnh vượng & thành đạt.



Trích lục từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 2 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 3 – 4 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 5 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 6 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 7 – 33 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|--------------|
| Ông Trịnh Xuân Vương | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Chí Linh | Phó Chủ tịch |
| Ông Lê Minh Điểm | Thành viên |
| Ông Trương Đức Vọng | Thành viên |
| Ông Ngô Tân Long | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Chí Linh | Tổng Giám đốc |
| Bà Lê Thị Thủy Anh | Phó Tổng Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế, thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác. Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2016

Q-0
H
G T
H
O
T
TP.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 3 năm 2016, từ trang 3 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 04 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Bùi Quốc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2133-2013-001-1

2-C
H
Y
U
U
H
TE
.AM
HỒ C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 354.163.633.127 | 322.445.326.250 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 46.404.121.659 | 39.832.503.811 |
| 1. Tiền | 111 | | 21.404.121.659 | 17.832.503.811 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 25.000.000.000 | 22.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 6 | 5.070.336.597 | 7.113.266.430 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 70.336.597 | 10.100.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | (2.986.733.570) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 5.000.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 86.112.739.946 | 64.319.092.383 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | | 75.520.873.451 | 60.329.757.229 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 2.952.270.780 | 3.481.859.440 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 7 | 8.000.000.000 | - |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8a | 1.287.148.533 | 1.449.323.950 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (1.647.552.818) | (941.848.236) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 213.056.568.187 | 207.011.423.441 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 9 | 213.056.568.187 | 207.011.423.441 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.519.866.738 | 4.169.040.185 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 109.477.062 | 327.459.045 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | 10a | 3.376.441.288 | 3.750.536.574 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 10a | 33.948.388 | 91.044.566 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 237.487.475.468 | 210.600.036.560 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 277.000.000 | 250.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 8b | 277.000.000 | 250.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 192.389.259.711 | 192.546.774.882 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 11 | 156.528.198.531 | 173.057.888.234 |
| - Nguyên giá | 222 | | 327.395.830.231 | 318.728.298.210 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (170.867.631.700) | (145.670.409.976) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 12 | 35.861.061.180 | 19.488.886.648 |
| - Nguyên giá | 228 | | 37.947.473.802 | 21.071.968.802 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (2.086.412.622) | (1.583.082.154) |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 43.758.600.325 | 16.509.789.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | 13 | 33.298.600.325 | 6.319.789.000 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 14 | 10.460.000.000 | 10.190.000.000 |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.062.615.432 | 1.293.472.678 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | 100.000.000 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 15 | 1.062.615.432 | 1.193.472.678 |
| TỔNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 591.651.108.595 | 533.045.362.810 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 135.049.666.636 | 143.265.205.431 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 130.304.407.885 | 138.359.717.680 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 16 | 30.452.181.050 | 19.967.649.414 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 127.691.746 | 12.263.312.929 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 10b | 7.892.724.815 | 8.176.988.872 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 35.159.838.704 | 24.179.844.496 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 17 | 3.442.741.337 | 2.764.075.510 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 18 | 26.850.372.110 | 28.417.413.645 |
| 7. Vay ngắn hạn | 320 | 19 | 12.891.607.830 | 29.778.271.482 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 20 | 13.487.250.293 | 12.812.161.332 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 4.745.258.751 | 4.905.487.751 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | | 116.100.000 | 170.000.000 |
| 2. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | 4.629.158.751 | 4.735.487.751 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 456.601.441.959 | 389.780.157.379 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 21 | 456.601.441.959 | 389.780.157.379 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 253.116.960.000 | 192.851.020.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 253.116.960.000 | 192.851.020.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 10.392.780.783 | 8.658.370.783 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 155.321.452.755 | 144.781.707.755 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 37.770.248.421 | 43.489.058.841 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm trước | 421a | | 30.632.574.841 | 21.833.576.534 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 7.137.673.580 | 21.655.482.307 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 591.651.108.595 | 533.045.362.810 |

ba

Hỗ Thị Hải Vân
Người lập

[Signature]

Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng



[Signature]

Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 04 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | 2015 | 2014 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 24 | 663.914.334.515 | 613.154.645.707 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 24 | 700.912.295 | 680.126.996 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | 24 | 663.213.422.220 | 612.474.518.711 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 25 | 361.377.930.633 | 332.453.069.277 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 301.835.491.587 | 280.021.449.434 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 27 | 1.968.037.884 | 1.428.398.029 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 28 | 7.759.292.121 | 6.872.627.917 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>812.191.275</i> | <i>3.054.844.899</i> |
| 8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | 538.600.325 | 319.789.000 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | 29 | 141.250.800.587 | 140.618.511.857 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 29 | 63.807.436.412 | 48.482.075.799 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26)) | 30 | | 91.524.600.676 | 85.796.420.890 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | 30 | 642.822.560 | 1.504.610.356 |
| 13. Chi phí khác | 32 | 30 | 98.982.245 | 1.109.394.359 |
| 14. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | 30 | 543.840.315 | 395.215.997 |
| 15. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 92.068.440.991 | 86.191.636.887 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 31 | 21.621.117.207 | 20.388.794.684 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | 31 | 130.857.246 | 143.510.559 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 70.316.466.538 | 65.659.331.644 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 32 | 3.188 | 3.055 |

ba

Hò Thị Hải Vân
Người lập

Nguyễn Thế Đê

Nguyễn Thế Đê
Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Linh

Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 04 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2015 | 2014 |
|---|-------|------------------|-------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 92.068.440.991 | 86.191.636.887 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 25.700.552.192 | 25.155.331.052 |
| Các khoản dự phòng | 03 | (2.281.028.988) | (445.171.123) |
| Lỗi chênh lệch tỉ giá hối đoái | 04 | 1.228.646 | 109.868.872 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (2.167.725.451) | (1.132.058.335) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 812.191.275 | 3.054.844.899 |
| Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD | 08 | 114.133.658.665 | 112.934.452.252 |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | (15.598.666.284) | 13.450.243.511 |
| Tăng hàng tồn kho | 10 | (6.045.144.746) | (14.530.325.776) |
| Tăng các khoản phải trả | 11 | 10.162.007.908 | 2.264.645.880 |
| Giảm chi phí trả trước | 12 | 317.981.983 | 449.857.291 |
| Giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | 10.029.663.403 | - |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (812.191.275) | (3.144.289.826) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (22.079.832.385) | (26.411.103.402) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 266.300.000 | 927.589.634 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (6.351.382.711) | (7.702.633.656) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 84.022.394.558 | 78.238.435.908 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ | 21 | (25.376.492.721) | (10.997.275.745) |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 22 | - | 96.363.636 |
| 3. Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (13.000.000.000) | - |
| 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (27.030.000.000) | - |
| 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty khác | 26 | - | 4.001.966.333 |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 2.133.281.051 | 1.146.329.505 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (63.273.211.670) | (5.752.616.271) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu được từ phát hành cổ phiếu | 31 | 62.194.450.000 | 1.475.000.000 |
| 2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành | 32 | - | (1.003.000.000) |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 51.873.993.206 | 113.765.590.621 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (68.760.656.858) | (155.491.779.762) |
| 5. Cổ tức đã trả cho các cổ đông | 36 | (59.486.616.350) | (19.215.266.700) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (14.178.830.002) | (60.469.455.841) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | 6.570.352.886 | 12.016.363.796 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 39.832.503.811 | 27.816.134.180 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 1.264.962 | 5.835 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61) | 70 | 46.404.121.659 | 39.832.503.811 |

Hồ Thị Hải Vân
Người lập

Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 04 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty bao gồm Công ty mẹ và một Công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 26 (là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam - Bộ Y Tế có Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 102652 do Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993) theo Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, Công ty mẹ đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hiện nay, Công ty mẹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 12, số 0302560110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 6 năm 2012.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 10 năm 2008 với mã chứng khoán là OPC.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại Số 1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam. Nhà máy của Công ty mẹ đặt tại số 09/ĐX 04 - TH, Tổ 7, Ấp Tân Hoá, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

Công ty con

Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty con”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4604000067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 11 tháng 6 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi lần 04, số 3700806295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 29 tháng 7 năm 2014.

Nhà máy của Công ty con đặt tại Ấp Tân Hoá, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con là trồng cây dược liệu, sản xuất thực phẩm chức năng, sản xuất rượu mạnh, mỹ phẩm, sản xuất hóa dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

Vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty con là 15.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 100% quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty con.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 776 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 762 người).

2/9
Y
JUN
TE
M
SC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các Công ty con, liên doanh, công ty liên kết và các chi nhánh phụ thuộc như sau

Hợp đồng hợp tác liên doanh:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiện Kiều - Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc

Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang (“OPC Bắc Giang”)
- Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (“Dược TW 25”)

Chi nhánh phụ thuộc:

- Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm OPC - Cửa hàng giới thiệu và Kinh doanh Dược phẩm
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Hà Nội
- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Cần Thơ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Nha Trang
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Nghệ An
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
- Chi nhánh Miền Đông - Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại và trình bày lại nhằm mục đích để phù hợp với việc so sánh do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

CH
CH
CH
DE
VI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm |
|--------------------------|--------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 5 - 25 |
| Máy móc, thiết bị | 3 - 10 |
| Phương tiện vận tải | 3 - 10 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 8 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất có thời hạn và không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí đầu tư thuê mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí thuê mặt bằng thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Chi phí thuê mặt bằng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí trả trước liên quan đến hoạt động sản xuất của Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được hạch toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả, phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
Thành Phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tiền mặt | 5.746.730.648 | 1.568.481.176 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 15.657.391.011 | 16.264.022.635 |
| Các khoản tương đương tiền | 25.000.000.000 | 22.000.000.000 |
| | <u>46.404.121.659</u> | <u>39.832.503.811</u> |

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Bình Tây với lãi suất từ 5,1% đến 5,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5%/năm).

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | 31/12/2015 | | 31/12/2014 | |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc <u>VND</u> | Dự phòng <u>VND</u> | Giá gốc <u>VND</u> | Dự phòng <u>VND</u> |
| Chứng khoán kinh doanh | | | | |
| Quỹ Đầu tư Chứng khoán Con Hồ Việt Nam | 70.336.597 | - | 10.100.000.000 | (2.986.733.570) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*) | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 5.000.000.000 | - | - | - |

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện tiền gửi có kỳ hạn còn lại hơn ba tháng tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Bình Tây với lãi suất 6,1%/năm.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho vay tín chấp đối với OPC Bắc Giang với số tiền 8.000.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay số 02/HĐVV ngày 01 tháng 10 năm 2015 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, thu mua dược liệu. Khoản cho vay với thời hạn một năm kể từ ngày ký hợp đồng và lãi suất 5%/năm.

8. PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| a. Ngắn hạn | 1.287.148.533 | 1.449.323.950 |
| Phải thu người lao động | 411.051.000 | 404.944.750 |
| Ký cược, ký quỹ | 640.001.119 | 664.281.158 |
| Khoản phải thu từ Bảo hiểm xã hội | 28.444.465 | 338.455.085 |
| Khoản chi hộ bên liên quan | 200.000.000 | - |
| Phải thu khác | 7.651.949 | 41.642.957 |
| b. Dài hạn | 277.000.000 | 250.000.000 |
| Phải thu khác (*) | 250.000.000 | 250.000.000 |
| Ký cược, ký quỹ | 27.000.000 | - |
| | <u>1.564.148.533</u> | <u>1.699.323.950</u> |

(*) Phải thu dài hạn khác thể hiện khoản vốn góp tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiên Kiên – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc (“Kiên Kiên”) ký ngày 24 tháng 4 năm 2012 với thời hạn hoạt động là 10 năm tương ứng với thời gian hoạt động trên giấy phép đầu tư. Theo hợp đồng, mỗi bên góp 50% vốn và lợi nhuận thuần của quá trình thực hiện hợp đồng này sẽ được chia cho hai bên theo tỷ lệ góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
Thành Phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Hàng mua đang đi đường | 2.258.887.500 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 99.582.593.456 | 112.486.413.975 |
| Công cụ, dụng cụ | 179.871.717 | 310.347.175 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.340.849.449 | 2.608.487.901 |
| Thành phẩm | 105.273.066.317 | 89.226.245.270 |
| Hàng hoá | 2.421.299.748 | 2.379.929.120 |
| | <u>213.056.568.187</u> | <u>207.011.423.441</u> |

Không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014.

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, hàng tồn kho luân chuyển với giá trị là 5.501.607.830 đồng đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty mẹ tại ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 114.070.000.000 đồng).

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2015 | Số phải thu/nộp trong năm | Số đã thực thu/ nộp trong năm | Số được khấu trừ/Cán trừ trong năm | 31/12/2015 |
|----------------------------|-----------------------------|------------------------------|----------------------------------|--|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| a. Phải thu | | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 3.750.536.574 | 31.460.777.924 | 1.599.708.856 | 30.235.164.354 | 3.376.441.288 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 40.108.167 | - | 40.108.167 | - | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 50.936.399 | 246.618.585 | 263.606.596 | - | 33.948.388 |
| Cộng | <u>3.841.581.140</u> | <u>31.707.396.509</u> | <u>1.903.423.619</u> | <u>30.235.164.354</u> | <u>3.410.389.676</u> |
| b. Phải nộp | | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 28 | 9.187.079.670 | 9.187.079.698 | - | - |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 1.306.200 | 35.511.689 | 30.929.889 | - | 5.888.000 |
| Thuế nhập khẩu | - | 1.267.143.191 | 1.267.143.191 | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.712.135.361 | 21.621.117.207 | 22.079.832.385 | 40.108.167 | 7.213.312.016 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 463.547.283 | 6.811.853.224 | 6.601.875.708 | - | 673.524.799 |
| Tiền thuê đất | - | 2.421.741.098 | 2.421.741.098 | - | - |
| Các loại thuế khác | - | 125.731.845 | 125.731.845 | - | - |
| Cộng | <u>8.176.988.872</u> | <u>41.470.177.924</u> | <u>41.714.333.814</u> | <u>40.108.167</u> | <u>7.892.724.815</u> |

0-0
HÀNG
TỒN
KHO
HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng VND |
|-------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 180.538.910.675 | 116.395.482.047 | 18.981.436.455 | 2.812.469.033 | 318.728.298.210 |
| Tăng trong năm | 10.326.108 | 1.300.508.830 | 3.315.067.437 | - | 4.625.902.375 |
| Kết chuyển từ xây dựng cơ bản | 228.197.828 | 3.813.431.818 | - | - | 4.041.629.646 |
| Tại ngày 31/12/2015 | 180.777.434.611 | 121.509.422.695 | 22.296.503.892 | 2.812.469.033 | 327.395.830.231 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 53.651.113.607 | 79.338.207.286 | 10.121.277.199 | 2.559.811.884 | 145.670.409.976 |
| Khấu hao trong năm | 9.282.572.047 | 13.045.379.472 | 2.767.566.810 | 101.703.395 | 25.197.221.724 |
| Tại ngày 31/12/2015 | 62.933.685.654 | 92.383.586.758 | 12.888.844.009 | 2.661.515.279 | 170.867.631.700 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 126.887.797.068 | 37.057.274.761 | 8.860.159.256 | 252.657.149 | 173.057.888.234 |
| Tại ngày 31/12/2015 | 117.843.748.957 | 29.125.835.937 | 9.407.659.883 | 150.953.754 | 156.528.198.531 |

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị là 65.842.194.532 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 61.429.609.388 đồng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Tổng cộng VND |
|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 19.781.333.802 | 1.290.635.000 | 21.071.968.802 |
| Tăng trong năm | 16.875.505.000 | - | 16.875.505.000 |
| Tại ngày 31/12/2015 | <u>36.656.838.802</u> | <u>1.290.635.000</u> | <u>37.947.473.802</u> |
| KHẤU HAO LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 1.087.818.270 | 495.263.884 | 1.583.082.154 |
| Khấu hao trong năm | 254.907.972 | 248.422.496 | 503.330.468 |
| Tại ngày 31/12/2015 | <u>1.342.726.242</u> | <u>743.686.380</u> | <u>2.086.412.622</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | <u>18.693.515.532</u> | <u>795.371.116</u> | <u>19.488.886.648</u> |
| Tại ngày 31/12/2015 | <u>35.314.112.560</u> | <u>546.948.620</u> | <u>35.861.061.180</u> |

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|--|-----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 | 26.760.000.000 | - |
| Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia | 538.600.325 | 319.789.000 |
| | <u>33.298.600.325</u> | <u>6.319.789.000</u> |

Phần lợi nhuận phát sinh đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm 2014 và năm 2015 lần lượt là 319.789.000 đồng và 538.600.325 đồng. Trong năm, Công ty đã nhận được phần lợi nhuận được chia của năm 2014.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

| Tên Công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ % | Hoạt động chính |
|---------------|-------------------------------|---------------------------|---|---|
| OPC Bắc Giang | Tỉnh Bắc Giang | 40 | 40 | Khai thác, mua bán, nuôi trồng cây dược liệu, sản xuất cao dược liệu và các sản phẩm chức năng |
| Dược TW 25 | Thành phố Hồ Chí Minh | 28,61 | 28,61 | Sản xuất kinh doanh dược phẩm, sản xuất và mua bán mỹ phẩm, sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng, sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, mua bán máy móc thiết bị, dụng cụ y tế, kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện:

- OPC Bắc Giang được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 24004498591 ngày 19 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 đồng. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của OPC Bắc Giang, Công ty nắm giữ 40% vốn điều lệ của OPC Bắc Giang.
- Dược TW 25 được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007041 ngày 19 tháng 6 năm 2007 và các giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 69/2015/GCNCP-VSD-1 ngày 21 tháng 01 năm 2016, tổng giá trị chứng khoán đăng ký (vốn đầu tư của chủ sở hữu) mà Công ty đang nắm giữ là 77.946.410.000 chiếm 28,61% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược TW 25.

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha | 4.070.000.000 | 3.800.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh | 2.750.000.000 | 2.750.000.000 |
| Công ty Cổ phần Bao bì Dược | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam | 1.250.000.000 | 1.250.000.000 |
| Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình | 790.000.000 | 790.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dược & Thiết bị Vật tư Y tế Tuyên Quang | 100.000.000 | 100.000.000 |
| | <u>10.460.000.000</u> | <u>10.190.000.000</u> |

Không có khoản dự phòng cần phải trích lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014.

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận với sự thay đổi của các khoản mục này trong năm này và năm trước:

| | Dự phòng phải trả dài hạn khác | Lợi nhuận chưa thực hiện | Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | Tổng cộng |
|------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tại ngày 01/01/2014 | 1.242.927.282 | 94.808.925 | (752.970) | 1.336.983.237 |
| Ghi giảm lợi nhuận trong năm | <u>(201.119.977)</u> | <u>57.693.928</u> | <u>(84.510)</u> | <u>(143.510.559)</u> |
| Tại ngày 31/12/2014 | 1.041.807.305 | 152.502.853 | (837.480) | 1.193.472.678 |
| Ghi giảm lợi nhuận trong năm | <u>(23.392.380)</u> | <u>(107.953.051)</u> | <u>488.185</u> | <u>(130.857.246)</u> |
| Tại ngày 31/12/2015 | <u>1.018.414.925</u> | <u>44.549.802</u> | <u>(349.295)</u> | <u>1.062.615.432</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Công ty TNHH Kim Hà Việt | 3.135.356.840 | 1.545.172.750 |
| Công ty TNHH TM và DV Hoàng Anh Duy | 472.710.150 | 1.370.969.050 |
| Công ty TNHH Nhựa Minh Thành | 753.397.315 | 516.774.522 |
| OPC Bắc Giang - Bên liên quan | 6.868.575.400 | 4.177.378.350 |
| Phải trả cho các đối tượng khác | 19.222.141.345 | 12.357.354.742 |
| | <u>30.452.181.050</u> | <u>19.967.649.414</u> |

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn đều có khả năng trả nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chi phí khuyến mãi, quảng cáo, marketing | - | 1.333.213.339 |
| Chi phí nghiên cứu | 464.464.916 | 438.235.437 |
| Chi phí điện sản xuất | 145.597.000 | 109.359.900 |
| Chi phí thuê đất | 2.026.664.540 | - |
| Chi phí lãi vay | - | 54.782.585 |
| Khác | 806.014.881 | 828.484.249 |
| | <u>3.442.741.337</u> | <u>2.764.075.510</u> |

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Kinh phí công đoàn | 1.418.994.070 | 1.669.503.697 |
| Bảo hiểm xã hội | 14.186.000 | 7.864.598 |
| Cổ tức | 25.311.696.000 | 26.380.775.350 |
| Phải trả khác | 105.496.040 | 359.270.000 |
| | <u>26.850.372.110</u> | <u>28.417.413.645</u> |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VAY NGẮN HẠN

| | 31/12/2014 | Trong năm | | 31/12/2015 |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND |
| - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh | 4.103.113.236 | 13.313.161.176 | 17.416.274.412 | - |
| - Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) | 9.412.127.846 | 13.190.000.000 | 15.212.127.846 | 7.390.000.000 |
| - Ngân hàng Thương mại Chinatrust - Chi nhánh Hồ Chí Minh | 12.863.030.400 | - | 12.863.030.400 | - |
| - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hàm Nghi | - | 18.069.224.200 | 18.069.224.200 | - |
| - Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh | - | 5.501.607.830 | - | 5.501.607.830 |
| - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Bình Tây | 3.400.000.000 | 1.800.000.000 | 5.200.000.000 | - |
| | 29.778.271.482 | 51.873.993.206 | 68.760.656.858 | 12.891.607.830 |

Ngày 02 tháng 4 năm 2015, Công ty con ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC với hạn mức tín dụng là 500.000 Đô la Mỹ. Khoản tín dụng này có hiệu lực trong vòng 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản vay được cấp với mục đích đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và nhu cầu dịch vụ thương mại. Khoản vay chịu lãi suất cho vay cơ bản USD hoặc VND cộng tối đa 1,5%/năm (Lãi suất cho vay cơ bản được quyết định bởi Ngân hàng tại mỗi kì xem xét lại lãi suất). Khoản vay được đảm bảo bằng tất cả khoản phải thu của Công ty con phát sinh từ các hợp đồng mua bán/hợp đồng thuê tài sản/hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ, các hợp đồng khác và các khoản thanh toán khác phát sinh từ, bao gồm như không giới hạn, việc bán tài sản, khoản chuyển tiền/thanh toán từ Công ty mẹ/công ty liên kết/công ty con hay từ bên thứ ba bất kỳ (khoản phải thu trị giá ít nhất 500.000 USD) theo hợp đồng thế chấp số VNM140263/MR ngày 15 tháng 4 năm 2014 và một bảo lãnh từ Công ty mẹ với trị giá 500.000 USD.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty mẹ ký kết hợp đồng tín dụng số 0133/KH/15NH với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 31 tháng 3 năm 2016. Khoản vay chịu lãi suất 4.7%/năm và điều chỉnh 06 tháng/lần. Công ty mẹ đã sử dụng hàng tồn kho với giá trị 5.501.607.830 đồng để thế chấp cho khoản vay này (xem thuyết minh số 9).

Tất cả các khoản vay ngắn hạn đều có khả năng trả nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | 2015 VND | 2014 VND |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm | 12.812.161.332 | 13.028.158.761 |
| Trích lập từ lợi nhuận giữ lại | 7.026.497.000 | 6.545.404.000 |
| Sử dụng quỹ | (6.351.408.039) | (6.761.401.429) |
| Số dư cuối năm | 13.487.250.293 | 12.812.161.332 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---|---------------|---------------|
| Số lượng cổ phần được phép phát hành (Cổ phần) | 25.311.696 | 19.285.102 |
| Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ (Cổ phần) | 25.311.696 | 19.285.102 |
| Mệnh giá cổ phần (đồng) | <u>10.000</u> | <u>10.000</u> |

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ đông Nhà nước, cổ đông khác của Công ty và vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014:

| | Số lượng cổ phần và tỉ lệ nắm giữ | | | | Vốn đã góp | |
|---------------------|-----------------------------------|------------|-------------------|------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2015 | | 31/12/2014 | | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
| | Cổ phần | % | Cổ phần | % | VND | VND |
| Cổ đông Nhà nước | | | | | | |
| - Tổng Công ty Dược | 3.562.650 | 14,08 | 3.562.650 | 18,5 | 35.626.500.000 | 35.626.500.000 |
| - Cổ đông khác | 21.749.046 | 85,92 | 15.722.452 | 81,5 | 217.490.460.000 | 157.224.520.000 |
| | <u>25.311.696</u> | <u>100</u> | <u>19.285.102</u> | <u>100</u> | <u>253.116.960.000</u> | <u>192.851.020.000</u> |

(250)
 H N
 C N
 H N H
 J E L
 V I E
 / - T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu <u>VND</u> | Thặng dư vốn cổ phần <u>VND</u> | Quỹ đầu tư và phát triển <u>VND</u> | Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u> | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u> | Tổng <u>VND</u> |
|--|--|---------------------------------------|---|---|---|------------------------|
| Số dư tại ngày 01/01/2014 | 128.568.600.000 | 72.468.790.783 | 118.834.039.755 | 12.856.860.000 | 29.724.880.827 | 362.453.171.365 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 65.659.331.644 | 65.659.331.644 |
| Tăng vốn trong năm | 64.282.420.000 | (64.282.420.000) | - | - | - | - |
| Chênh lệch giá bán và giá mua cổ phiếu quỹ | - | 472.000.000 | - | - | - | 472.000.000 |
| Chia lợi nhuận cho liên doanh | - | - | - | - | (205.291.630) | (205.291.630) |
| Phân phối quỹ | - | - | 9.818.106.000 | 3.272.702.000 | (13.090.808.000) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (6.545.404.000) | (6.545.404.000) |
| Chia thêm cổ tức năm 2013 | - | - | - | - | (6.398.930.000) | (6.398.930.000) |
| Hoàn nhập cổ tức của cổ phiếu quỹ | - | - | - | - | 59.000.000 | 59.000.000 |
| Chia cổ tức đợt 1 năm 2014 | - | - | - | - | (19.285.102.000) | (19.285.102.000) |
| Tạm trích cổ tức đợt 2 năm 2014 | - | - | - | - | (6.428.618.000) | (6.428.618.000) |
| Áp dụng chính sách kế toán mới | - | - | 16.129.562.000 | (16.129.562.000) | - | - |
| Tại ngày 31/12/2014 | 192.851.020.000 | 8.658.370.783 | 144.781.707.755 | - | 43.489.058.841 | 389.780.157.379 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 70.316.466.538 | 70.316.466.538 |
| Tăng vốn trong năm | 60.265.940.000 | - | - | - | - | 60.265.940.000 |
| Chênh lệch giá bán và mệnh giá | - | 1.928.510.000 | - | - | - | 1.928.510.000 |
| Chi phí phát hành cổ phiếu | - | (194.100.000) | - | - | - | (194.100.000) |
| Chia thêm cổ tức năm 2014 | - | - | - | - | (12.856.484.000) | (12.856.484.000) |
| Tạm trích cổ tức năm 2015 | - | - | - | - | (45.561.053.000) | (45.561.053.000) |
| Chia lãi cho liên doanh | - | - | - | - | (51.497.958) | (51.497.958) |
| Phân phối quỹ | - | - | 10.539.745.000 | - | (10.539.745.000) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (7.026.497.000) | (7.026.497.000) |
| Tại ngày 31/12/2015 | 253.116.960.000 | 10.392.780.783 | 155.321.452.755 | - | 37.770.248.421 | 456.601.441.959 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Theo Nghị quyết số 382/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Việc phát hành cổ phiếu cho Cán bộ Công nhân viên với số lượng 964.255 cổ phiếu, giá bán 12.000 đồng/cổ phần. Theo đó, tổng số tiền Công ty đã thu được là 11.571.060.000 đồng và được Công ty ghi nhận vào Vốn điều lệ và Thặng dư vốn cổ phần với số tiền lần lượt là 9.642.550.000 đồng và 1.928.510.000 đồng. Các cổ phiếu phát hành thêm này được niêm yết bổ sung chính thức vào ngày 19 tháng 8 năm 2015 theo Quyết định số 355/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với số lượng 5.062.339 cổ phiếu, giá bán 10.000 đồng/cổ phần. Theo đó, tổng số tiền Công ty đã thu được là 50.623.390.000 đồng và được Công ty ghi nhận vào Vốn điều lệ là 50.623.390.000 đồng. Các cổ phiếu phát hành thêm này được niêm yết chính thức vào ngày 18 tháng 12 năm 2015 theo Quyết định số 573/QĐ-SGDHCM ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Nghị quyết số 470/NQ-HĐQT thông qua ngày 5 tháng 5 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án chia bổ sung cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014 với số tiền là 12.856.484.000 đồng.

Theo Nghị quyết số 1026/NQ-HĐQT thông qua ngày 9 tháng 9 năm 2015 và Nghị quyết số 132/NQ-HĐQT thông qua ngày 25 tháng 1 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án tạm chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015 với số tiền là 45.561.053.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015 lần lượt với các số tiền là 10.539.745.000 đồng, 7.026.497.000 đồng theo Điều lệ của Công ty.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc chia cổ tức năm 2015 và phân phối các quỹ nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | <u>31/12/2015</u> | <u>31/12/2014</u> |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| Ngoại tệ các loại | | |
| - Đô la Mỹ ("USD") | <u>33.464</u> | <u>35</u> |

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận theo cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là ngành dược phẩm và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 2015 | 2014 |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa | 653.972.587.300 | 602.036.365.043 |
| Doanh thu bán nguyên vật liệu | 9.825.703.215 | 10.790.247.502 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 116.044.000 | 328.033.162 |
| | <u>663.914.334.515</u> | <u>613.154.645.707</u> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| Hàng bán bị trả lại | 700.912.295 | 680.126.996 |
| Doanh thu thuần | <u>663.213.422.220</u> | <u>612.474.518.711</u> |

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | 2015 | 2014 |
|------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Giá vốn thành phẩm, hàng hóa | 312.917.138.783 | 291.819.141.513 |
| Giá vốn vật tư, nguyên liệu | 674.974.424 | 9.922.907.588 |
| Giá vốn dịch vụ | 26.570.637 | 241.510.319 |
| Giá vốn hàng khuyến mãi | 47.759.246.789 | 30.469.509.857 |
| | <u>361.377.930.633</u> | <u>332.453.069.277</u> |

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | 2015 | 2014 |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chi phí nguyên vật liệu | 329.318.825.125 | 292.030.607.397 |
| Chi phí nhân công | 161.978.608.469 | 148.025.972.896 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 25.700.552.192 | 25.155.331.052 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 38.223.693.796 | 37.684.509.288 |
| Chi phí khác | 45.122.433.317 | 35.732.166.533 |
| | <u>600.344.112.899</u> | <u>538.628.587.166</u> |

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2015 | 2014 |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 1.026.791.451 | 457.722.172 |
| Cổ tức được chia | 821.145.000 | 728.024.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 116.141.661 | 242.651.857 |
| Chiết khấu thanh toán nhận được | 3.959.772 | - |
| | <u>1.968.037.884</u> | <u>1.428.398.029</u> |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2015 VND | 2014 VND |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 812.191.275 | 3.054.844.899 |
| Chiết khấu thanh toán | 6.121.454.089 | 3.966.587.041 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 824.418.111 | 577.059.868 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 1.228.646 | 109.868.872 |
| Hoàn nhập lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | - | (835.732.763) |
| | <u>7.759.292.121</u> | <u>6.872.627.917</u> |

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 2015 VND | 2014 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm | | |
| Chi phí nhân viên quản lý | 25.314.268.417 | 23.835.289.523 |
| Phí, lệ phí | 4.752.747.732 | 3.347.639.709 |
| Các chi phí khác | 33.740.420.263 | 21.299.146.567 |
| | <u>63.807.436.412</u> | <u>48.482.075.799</u> |
| Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm | | |
| Chi phí nhân viên bán hàng | 98.282.279.737 | 87.483.033.805 |
| Chi phí khuyến mãi, quảng cáo, tiếp thị | 12.513.374.703 | 20.441.267.585 |
| Các chi phí khác | 30.455.146.147 | 32.694.210.467 |
| | <u>141.250.800.587</u> | <u>140.618.511.857</u> |

30. LỢI NHUẬN KHÁC

| | 2015 VND | 2014 VND |
|--|---------------------------|-----------------------------|
| Thu nhập từ thanh lý TSCĐ | - | 96.363.636 |
| Thu nhập từ cho thuê mặt bằng | 576.636.373 | 380.181.822 |
| Khác | 66.186.187 | 1.028.064.898 |
| Thu nhập khác | <u>642.822.560</u> | <u>1.504.610.356</u> |
| Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ | | |
| Khác | 98.982.245 | 59.145.846 |
| Chi phí khác | <u>98.982.245</u> | <u>1.109.394.359</u> |
| Lợi nhuận từ hoạt động khác | <u>543.840.315</u> | <u>395.215.997</u> |

1125
 CHI
 CỐ
 CH
 DE
 VI
 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | 2015 <u>VND</u> | 2014 <u>VND</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 21.455.034.264 | 20.008.984.676 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | 166.082.943 | 379.810.008 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | <u>21.621.117.207</u> | <u>20.388.794.684</u> |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 130.857.246 | 143.510.559 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. | <u>130.857.246</u> | <u>143.510.559</u> |

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

| | 2015 <u>VND</u> | 2014 <u>VND</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 92.068.440.991 | 86.191.636.887 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | 2.002.813.854 | 1.430.855.427 |
| Trừ: Chi phí không được trừ năm trước nhưng được trừ trong năm | 106.329.000 | 236.221.375 |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 7.563.584.884 | 6.425.370.261 |
| Thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 97.522.883.021 | 90.949.930.346 |
| Thuế suất thông thường | 22% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 21.455.034.264 | 20.008.984.676 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước bổ sung | 166.082.943 | 379.810.008 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | <u>21.621.117.207</u> | <u>20.388.794.684</u> |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2014: 22%). Cơ quan thuế đã kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty đến hết năm 2010 và Kiểm toán nhà nước đã kiểm tra chi phí giai đoạn 2013-2014.

Ban Tổng Giám đốc hiểu rằng số thuế trình bày trên báo cáo tài chính trong năm được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

00
 NH
 G
 (E)
 01
 T
 1
 TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | 2015 | 2014 |
|--|---------------------|---------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 70.316.466.538 | 65.659.331.644 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (7.026.497.000) | (6.545.404.000) |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 63.289.969.538 | 59.113.927.644 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - Lãi chia cho các bên hợp tác liên doanh | 51.497.958 | 205.291.630 |
| - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông phổ thông | 63.238.471.580 | 58.908.636.014 |
| Số lượng cổ phiếu | <u>19.835.916</u> | <u>19.285.102</u> |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>3.188</u> | <u>3.055</u> |

Lãi cơ bản trên cổ phiếu hàng năm được tính từ lợi nhuận sau thuế sau khi loại trừ số liệu ước tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Số liệu dùng để tạm tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi này là lợi nhuận sau thuế của năm tài chính tương ứng nhân với tỷ lệ 10% theo như quy định tại Điều lệ của Công ty mẹ. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Công ty chờ Đại hội Cổ đông thông qua việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cũng như các quỹ khác từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015.

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

| | 2015 | 2014 |
|--|---------------|---------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm | 4.668.571.313 | 2.757.972.360 |

Trong năm, Công ty đã ghi nhận vào chi phí số tiền thuê đất bổ sung cho giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2014 với số tiền 2.026.664.540 đồng.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Trong vòng một năm | 2.641.906.773 | 2.757.972.360 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 9.520.336.320 | 11.031.889.440 |
| Sau năm năm | 6.933.514.500 | 2.757.972.360 |
| | <u>19.095.757.593</u> | <u>16.547.834.160</u> |

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả tiền thuê đất tối thiểu mà Công ty phải trả hàng năm cho lô đất tại 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đến cuối năm 2020 và lô đất tại 65-67 Phùng Hưng, Phường 13, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh đến cuối năm 2045.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 46.404.121.659 | 39.832.503.811 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 5.070.336.597 | 7.113.266.430 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 74.080.972.582 | 59.429.551.950 |
| Các khoản ký quỹ | 667.001.119 | 664.281.158 |
| Tổng | 126.222.431.957 | 107.039.603.349 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay | 12.891.607.830 | 29.778.271.482 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 55.985.473.090 | 46.877.694.764 |
| Chi phí phải trả | 3.442.741.337 | 2.764.075.510 |
| Tổng cộng | 72.319.822.257 | 79.420.041.756 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán vì Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa và giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro tỷ giá

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán như sau:

| | Tài sản | | Công nợ | |
|----------------|---------------|-------------|---------------|----------------|
| | 31/12/2015 | 31/12/2014 | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đô la Mỹ (USD) | 1.113.418.697 | 621.406.485 | 1.586.703.300 | 13.845.211.400 |

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng với số tiền tương ứng là 23.664.230 đồng (năm 2014: 661.190.246 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 257.832.257 đồng Việt Nam (năm 2014: 595.565.430 đồng Việt Nam).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này Công ty quản trị bằng cách mua dự trữ các nguyên liệu theo mùa vụ và các nguyên liệu chính.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

100%
RẮC
E
100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1 - 5 năm VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| 31/12/2015 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 46.404.121.659 | - | 46.404.121.659 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 5.070.336.597 | - | 5.070.336.597 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 74.080.972.582 | - | 74.080.972.582 |
| Các khoản ký quỹ | 640.001.119 | 27.000.000 | 667.001.119 |
| Tổng | 126.195.431.957 | 27.000.000 | 126.222.431.957 |
| Các khoản vay | 12.891.607.830 | - | 12.891.607.830 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 55.869.373.090 | 116.100.000 | 55.985.473.090 |
| Chi phí phải trả | 3.442.741.337 | - | 3.442.741.337 |
| Tổng | 72.203.722.257 | 116.100.000 | 72.319.822.257 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 53.991.709.700 | (89.100.000) | 53.902.609.700 |
| | Dưới 1 năm VND | Từ 1 - 5 năm VND | Tổng VND |
| 31/12/2014 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 39.832.503.811 | - | 39.832.503.811 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 7.113.266.430 | - | 7.113.266.430 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 59.429.551.950 | - | 59.429.551.950 |
| Các khoản ký quỹ | 664.281.158 | - | 664.281.158 |
| Tổng | 107.039.603.349 | - | 107.039.603.349 |
| Các khoản vay | 29.778.271.482 | - | 29.778.271.482 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 46.707.694.764 | 170.000.000 | 46.877.694.764 |
| Chi phí phải trả | 2.764.075.510 | - | 2.764.075.510 |
| Tổng | 79.250.041.756 | 170.000.000 | 79.420.041.756 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 27.789.561.593 | (170.000.000) | 27.619.561.593 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2500
HI NH
CÔNG
H NHIỆT
E L O I
VIỆT
TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

| | 2015 | 2014 |
|----------------------|--------------------|--------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| OPC Bắc Giang | | |
| Mua nguyên vật liệu | 37.268.116.400 | 36.852.614.500 |
| Lợi nhuận được chia | <u>319.789.000</u> | <u>410.694.627</u> |

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã chi trả trong năm như sau:

| | 2015 | 2014 |
|--|----------------------|----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác | <u>7.989.438.414</u> | <u>7.967.504.771</u> |

Số dư với các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|------------------------------------|-------------------|------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Phải thu ngắn hạn người bán | | |
| OPC Bắc Giang | <u>34.444.400</u> | <u>-</u> |

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 25.311.696.000 đồng là cổ tức của các năm mà Cổ đông chưa nhận tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 26.380.775.350 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng các khoản phải trả.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

| Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC | | | Theo TT 200/2014/TT-BTC | | | Đơn vị: VND |
|---|-------|-----------------|---|-------|-----------------|--------------------------|
| Tên chỉ tiêu | Mã số | 31/12/2014 | Tên chỉ tiêu | Mã số | 31/12/2014 | Thay đổi |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | | | | | |
| I. Tài sản | | | | | | |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | - | 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | 10.100.000.000 | Trình bày lại và đổi tên |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | - | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | (2.986.733.570) | Trình bày lại và đổi tên |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | 380.098.042 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 1.449.323.950 | Trình bày lại |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 1.042.225.908 | 4. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | - | Trình bày lại |
| 5. Tài sản dài hạn khác | 268 | 27.000.000 | 5. Phải thu dài hạn khác | 216 | 250.000.000 | Trình bày lại |
| 6. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | 6.569.789.000 | 6. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | 6.319.789.000 | Trình bày lại |
| 7. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 20.290.000.000 | 7. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 10.190.000.000 | Trình bày lại và đổi tên |
| 8. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | (2.986.733.570) | 8. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | - | Trình bày lại |
| II. Nguồn vốn | | | | | | |
| 1. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | 128.652.145.755 | 1. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 144.781.707.755 | Trình bày lại |
| 2. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | 16.129.562.000 | <i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i> | 318 | - | Trình bày lại |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

| Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC | | | Theo TT 200/2014/TT-BTC | | | Thay đổi |
|--|-------|-----------------|--|-------|-----------------|---------------|
| Tên chỉ tiêu | Mã số | 31/12/2014 | Tên chỉ tiêu | Mã số | 31/12/2014 | |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 612.879.556.171 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 613.154.645.707 | Trình bày lại |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 719.917.460 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 680.126.996 | Trình bày lại |
| 3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 301.742.049.101 | 3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 332.453.069.277 | Trình bày lại |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 310.417.589.610 | 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 280.021.449.434 | Trình bày lại |
| 5. Chi phí bán hàng | 24 | 171.088.021.714 | 5. Chi phí bán hàng | 25 | 140.618.511.857 | Trình bày lại |
| 6. Thu nhập khác | 31 | 1.819.490.356 | 6. Thu nhập khác | 31 | 1.504.610.356 | Trình bày lại |
| 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 3.400 | 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 3.055 | Trình bày lại |

Hai Van

Hồ Thị Hải Vân
 Người lập

Thé Đê

Nguyễn Thế Đê
 Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Linh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 04 tháng 3 năm 2016





CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: 84.08.37517111 Fax: 84.08.38752048

Email: info@opcpharma.com Website: opcpharma.com

1017 Hong Bang Str., Ward 12, District 6, Ho Chi Minh City

Tel: 84.08.37517111 Fax: 84.08.38752048